

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỒ XUÂN QUẢNG

**KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU
CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ

HÀ NỘI - 2014

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỒ XUÂN QUẢNG

**KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU
CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA**

Chuyên ngành : Quản lý kinh tế

Mã số : 60 34 04 10

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS KIM VĂN CHÍNH

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn tốt nghiệp cao học quản lý kinh tế với đề tài "Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa" là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tác giả. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn gốc rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tác giả.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Hồ Xuân Quảng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU	6
1.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu	6
1.2. Các yếu tố của mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu	16
1.3. Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan ở một số Cục Hải quan địa phương và bài học cho Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	22
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA	26
2.1. Khái quát về hoạt động hải quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	26
2.2. Thực trạng hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	39
2.3. Đánh giá chung kết quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	60
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA	66
3.1. Dự báo triển vọng và quan điểm hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	66
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	70
3.3. Giải pháp kiến nghị với các cơ quan cấp trên	77
KẾT LUẬN	86
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT

CBCC	Cán bộ công chức
GTT	Giá tính thuế
KTT	Kiểm tra thuế
KTSTQ	Kiểm tra sau thông quan
NSNN	Ngân sách nhà nước
QLNN	Quản lý Nhà nước
QLRR	Quản lý rủi ro
UBND	Ủy ban Nhân dân
XNK	Xuất nhập khẩu

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG ANH

AFTA	Asean Free Trade Area	Khu vực thương mại tự do Đông Nam Á
CEPT	Common Effective Preferential Tariff	Hiệp định thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung Đông Nam Á
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GATT	General Agreement on Tariffs and Trade	Hiệp định chung về thuế quan và thương mại
ICD	Inland Container Depot	Cảng Container nội địa
PCA	Post Clearance Audit	Kiểm tra sau thông quan
OECD	Organization for Economic Co-operation and Development	Tổ chức các nước phát triển và hợp tác kinh tế
UNCTAD	United Nations Conference for Trade and Investment	Diễn đàn liên hợp quốc về phát triển đầu tư và thương mại
VCIS	Vietnam Customs Intelligence Information System	Hệ thống thông tin phân luồng hải quan Việt Nam
VNACCS	Vietnam Automated Cargo And Port Consolidated System	Hệ thống một cửa thông quan hàng hóa tự động Việt Nam
WCO	World Customs Organization	Tổ chức Hải quan thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ

	<i>Trang</i>
Bảng 2.1: Kết quả hoạt động của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	30
Bảng 2.2: Bảng thống kê kim ngạch xuất khẩu theo hợp đồng thương mại trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý	31
Bảng 2.3: Bảng thống kê số thu thuế xuất khẩu trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý	32
Bảng 2.4: Cơ cấu CBCC và lãnh đạo Chi cục KTSTQ	37
Bảng 2.5: Kết quả thực hiện nhiệm vụ phức tạp hồ sơ KTSTQ Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	40
Bảng 2.6: Kết quả thực hiện nhiệm vụ KTSTQ Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2005-2010	40
Bảng 2.7: Kết quả KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2010-2014	42
Bảng 2.8: Kết quả KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2011-2014	62
Sơ đồ 1.1: Tám bước Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu	15
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	29
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức Chi cục KTSTQ 2014	33

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện Luật Hải quan năm 2001 với đề án hiện đại hóa công tác QLNN trong lĩnh vực hải quan theo kịp các nước phát triển trên thế giới, Hải quan Việt Nam đã từng bước hiện đại trên nhiều mặt. Trong đó, một trong những bước tiến quan trọng trong công tác QLNN về hải quan là chuyển từ công tác “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Chính sự đổi mới này đã khẳng định vai trò của công tác kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra nhiều nhiệm vụ và thách thức đối với lực lượng KTSTQ để hoàn thành các nhiệm vụ và trọng trách mà công tác hiện đại hóa hải quan hiện đại của Đảng và Nhà nước giao phó.

Phòng Kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa được thành lập theo đề án này từ năm 2003. Từ bước khởi đầu đó, năm 2006 Chi cục Kiểm tra sau thông quan được thành lập theo Quyết định số 1092/QĐ-TCHQ ngày 26/6/2006 của Tổng cục Hải quan, đến năm 2010 được thay thế bằng quyết định số 1166/QĐ-TCHQ ngày 10/6/2010 với các chức năng nhiệm vụ thực hiện công tác KTSTQ trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý.

Nhìn lại quá trình hơn 10 năm kể từ khi thành lập, hoạt động KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều bước phát triển về lực lượng, tổ chức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp tổ chức hoạt động. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động cũng gặp khá nhiều khó khăn trở ngại như nhận thức của các lực lượng phối kết hợp trong và ngoài ngành về công tác KTSTQ, của doanh nghiệp còn thấp; nhiệm vụ và lượng công việc ngày càng tăng, cán bộ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ còn thiếu kinh nghiệm, hệ thống chính sách pháp luật thường xuyên được điều chỉnh, ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp chưa cao.

Với mục tiêu xây dựng được lực lượng KTSTQ chuyên nghiệp, minh bạch, hoạt động có hiệu quả, KTSTQ phải là sự đảm bảo cho khâu thông quan được cải tiến, đơn giản hoá thủ tục, thông quan nhanh hàng hóa, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động XNK của các doanh nghiệp. KTSTQ phải góp phần nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, góp phần hoàn chỉnh cơ chế, chính sách pháp luật ngày càng thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, nhưng vẫn đảm bảo sự quản lý của Nhà nước, chống thất thu thuế, tăng nguồn thu cho NSNN.

Là cán bộ trực tiếp thực hiện công tác chuyên môn về KTSTQ tại Chi cục KTSTQ thuộc Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, tôi nhận thấy hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là có vai trò khá quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ mà ngành Hải quan đề ra và rất quan trọng đối với Hải quan Thanh Hóa. Do vậy tôi đã chọn đề tài nghiên cứu: “**Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa**” làm đề tài luận văn thạc sỹ Quản lý kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Đây là vấn đề khá mới đối với Việt Nam, do vậy, về đề tài này, mới có một số bài báo, luận văn thạc sỹ, các công trình nghiên cứu được công bố. Có những công trình nghiên cứu cụ thể về QLNN đối với công tác KTSTQ trong toàn ngành hay theo từng địa phương, có công trình nghiên cứu công tác KTSTQ theo lĩnh vực hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên, nghiên cứu riêng về nội dung công tác KTSTQ đối với hoạt động xuất khẩu của Cục Hải quan Thanh Hóa thì chưa có công trình nào.

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về nội dung liên quan đến đề tài:

- Báo Hải quan (2006), *Hiện đại hoá hoạt động hải quan: Cuộc cách mạng từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”*.
- Cục Kiểm tra sau thông quan (2014), *Tài liệu Hội nghị tập huấn công tác KTSTQ*, hàng năm.

- Hoàng Tùng (2010), “*Bàn về quy trình KTSTQ trong hoạt động quản lý hàng hoá XNK của Hải quan Việt Nam*”, Tạp chí khoa học và công nghệ, ĐH Đà Nẵng, 6 (41), tr. 200-206.

- Hoàng Việt Cường (2006), “*Hoàn thiện hoạt động KTSTQ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*”, Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Quản lý Kinh tế. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

- Hoàng Việt Cường (2007), “*Nâng cao hiệu quả nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động thanh toán quốc tế qua ngân hàng*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Tổng cục Hải quan, Hà Nội.

Các công trình nghiên cứu trên là những tư liệu quý để tác giả kế thừa trong việc nghiên cứu, góp phần đạt tới mục tiêu chính của luận văn là nêu được thực trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Hệ thống hóa và làm rõ thêm những vấn đề lý luận quản lý và pháp lý về công tác KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan Thanh Hóa hiện hành.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan Thanh Hóa

- Đề xuất phương hướng giải pháp hoàn thiện hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu loại hình xuất khẩu theo hợp đồng thương mại của các doanh nghiệp trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý.

Địa bàn quản lý hải quan của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa bao gồm 04 tỉnh là: tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Nam.

Về thời gian, luận văn nghiên cứu thực trạng thực hiện cho giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2014, các giải pháp kiến nghị thực hiện cho giai đoạn 2015-2020.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, luận văn dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, sử dụng tổng hợp một số phương pháp như thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp, tổng kết thực tiễn. Ngoài ra, luận văn cũng kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu liên quan, đồng thời dựa vào chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý hoạt động KTSTQ trong tình hình hiện nay.

Các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản được áp dụng trong nghiên cứu đề tài bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp chuyên gia.

6. Những đóng góp về khoa học của luận văn

Dự kiến, luận văn có những đóng góp mới về khoa học và thực tiễn sau:

- Hệ thống hóa được những vấn đề về lý luận và thực tiễn cơ bản về hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn Cục Hải quan địa phương.

- Phân tích, đánh giá đúng thực trạng hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

- Đề xuất kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện đối với hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa nhằm góp phần nâng cao hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương, 9 tiết.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

1.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

1.1.1. Cơ sở hình thành nghiệp vụ Kiểm tra sau thông quan

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế đã và đang đặt ra nhiều thách thức đối với nhiều quốc gia từ chậm phát triển đến các nước đã phát triển. Bất cứ một quốc gia nào cũng phải đẩy mạnh và tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế này dù được thuận lợi hay gặp khó khăn bởi lợi ích mà quá trình toàn cầu hóa kinh tế mang lại thông qua trao đổi thương mại để tận dụng lợi thế so sánh, tương đối hay tuyệt đối của quá trình giao thương kinh tế.

Theo số liệu thống kê của Diễn đàn Liên hợp quốc về phát triển đầu tư và thương mại (UNCTAD) thì tổng trị giá XNK hàng hóa và dịch vụ năm 1980 toàn Thế giới là 2.376 tỷ USD, đến năm 1990 là 4.260 tỷ USD (tăng 179%), đến năm 2000 đạt 7.940 tỷ USD (tăng 186% so với năm 1990), đến 2010 là 18.968 tỷ USD (tăng 238% so với năm 2000). Như vậy, so sánh trị giá XNK hàng hóa và dịch vụ năm 2010 so với năm 1980 tăng gấp 8 lần (798%). Trong khi đó, thương mại của Việt Nam kể từ khi mở cửa nền kinh tế và hội nhập với thế giới đã có những bước tăng trưởng ngoạn mục: Năm 1990 kim ngạch XNK là 1,93 tỷ USD, đến năm 2000 đạt mốc 17,15 tỷ USD tăng 9 lần so với năm 1990, đến năm 2010 đạt 79.697 tỷ USD tăng 4,6 lần so với năm 2000 và 41,6 lần so với năm 1990, đến năm 2013 hiện đạt 143 tỷ USD tăng 8,3 lần so với năm 2000 và tăng 74,7 lần so với năm 1990 [37]. Tình hình thực tế đó dẫn đến số lượng hàng hóa XNK lưu chuyển qua các cửa khẩu tăng với mức độ rất lớn. Mặc dù ngành Hải quan đã tăng cường nhiều nguồn lực về con người, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tuy nhiên không thể tra, kiểm soát hết được hàng hóa lưu chuyển qua cửa khẩu hải quan.

Bên cạnh đó thương mại quốc tế phát triển đã hình thành tổ chức thương mại song phương và đa phương như: Hiệp định thương mại Việt Mỹ, Hiệp định trị giá GATT/WTO, Hiệp định CEPT/AFTA... Các hiệp định này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương quốc tế phát triển, một mặt lại luôn đòi hỏi các quốc gia thành viên phải cam kết thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa nhanh chóng tại các cửa khẩu để đáp ứng nhu cầu của người sản xuất và kinh doanh trao đổi hàng hóa. Thực tế đó đã tạo ra sức ép vô cùng lớn cho ngành Hải quan. Làm sao thông quan được khối lượng hàng hóa phải kiểm tra kiểm soát tăng mạnh; thời gian lưu trữ hàng hóa để kiểm tra tại cửa khẩu ngắn; làm sao đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ của Nhà nước giao phó là chống gian lận thương mại, buôn bán hàng cấm, hàng giả; làm sao đảm bảo phải thu đúng, thu đủ tiền thuế cho NSNN.

Mặt khác, theo các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, chẳng hạn Hiệp định trị giá GATT/WTO thì khi chưa có đầy đủ bằng chứng để bác bỏ trị giá khai báo của chủ hàng thì cơ quan hải quan không được phép áp đặt trị giá tính thuế mà phải chấp nhận trị giá do chủ hàng khai báo.

Trong khi đó để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chống gian lận thương mại thì cơ quan hải quan lại đối mặt với thực tế khó khăn là thiếu thông tin về hàng hóa, trị giá tính thuế và trình độ nghiệp vụ của cán bộ hải quan tại các đơn vị cửa khẩu luôn luôn có nhiều hạn chế. Trong khoảng thời gian ngắn không thể thực hiện kiểm tra toàn bộ hàng hóa mà chỉ có thể “kiểm tra đại diện” theo xác suất thường không quá 10% lô hàng và các chứng từ do chủ hàng xuất trình thì chỉ mới kiểm tra cơ bản được bề mặt thông tin và số liệu trên chứng từ của “một nửa bức tranh”. Một nửa còn lại của bức tranh nằm ở các chứng từ, sổ sách kế toán, chứng từ ngân hàng,... do chủ hàng nắm giữ mà nhiều chứng từ và việc ghi sổ kế toán thì thường phát sinh sau khi thông quan hàng hóa, thậm chí là đã bán hàng cho bên thứ ba.

Kinh nghiệm tổ chức hải quan hiện đại của các nước cho thấy nếu chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, kiểm soát của hải quan tại cửa khẩu thì không những không thể phát hiện và ngăn chặn được các trường hợp cố ý gian lận mà còn gây phiền phức, ách tắc cho hoạt động XNK hàng hóa.

Đứng trước thực tế đó, ngành Hải quan cần phải tăng cường hiệu quả quản lý bằng cách áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kéo dài thời hiệu kiểm tra, mở rộng phạm vi và đối tượng kiểm tra, kiểm soát hàng hóa XNK. Biện pháp nghiệp vụ thỏa mãn các yêu cầu như vậy chính là hoạt động KTSTQ.

Theo quan điểm của Tổ chức hải quan thế giới (WCO):

Trong điều kiện hiện nay, việc duy trì và phát triển hệ thống KTSTQ của ngành Hải quan là tuyệt đối cần thiết vì một hệ thống KTSTQ đủ mạnh có thể ngăn chặn và phát hiện mọi hình thức gian lận thương mại, đặc biệt là gian lận về trị giá hải quan, cho dù hệ thống trị giá hải quan đó được xác định theo bất cứ phương pháp nào [23].

Thực chất KTSTQ là việc kiểm tra tính xác thực của các thông tin do người hoạt động kinh doanh XNK đã khai báo với cơ quan hải quan thông qua việc kiểm tra các chứng từ thương mại, hồ sơ chứng từ ngân hàng, sổ sách kế toán, ... có liên quan đến hàng hóa XNK.

Để thực hiện việc kiểm tra theo mô hình KTSTQ, công chức hải quan phải vận dụng các kiến thức chuyên ngành như: thương mại quốc tế, ngân hàng, kế toán, ... trên cơ sở tư duy kiểm toán để phát hiện gian lận, sai sót. Xuất phát từ yêu cầu nghiệp vụ này mà Tổ chức hải quan thế giới và Hải quan các nước gọi nghiệp vụ này là “Kiểm toán sau thông quan” (Post Clearance Audit - PCA) hoặc “Kiểm toán hải quan”, Việt Nam ta gọi là “Kiểm tra sau thông quan”.

1.1.2. Khái niệm kiểm tra sau thông quan

Khái niệm KTSTQ

KTSTQ là quá trình các công chức hải quan kiểm tra tính trung thực hợp lý và độ tin cậy của các thông tin mà chủ hàng đã khai báo với cơ quan hải quan thông qua việc kiểm tra các chứng từ thương mại, chứng từ kế toán, chứng từ ngân hàng,... của các lô hàng đã thông quan. Những chứng từ này do các chủ thể (cá nhân hoặc pháp nhân) có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc giao dịch lô hàng đang lưu giữ [24].

Đối tượng kiểm tra

KTSTQ chỉ kiểm tra các đơn vị có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến kinh doanh XNK đang hoạt động trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Không phân biệt thành phần kinh tế, nguồn vốn chủ sở hữu cũng không chờ đợi sự thỏa thuận hoặc văn bản yêu cầu của doanh nghiệp.

- Các chủ thể liên quan trực tiếp đến kinh doanh XNK chính là các chủ hàng XNK (doanh nghiệp hoặc cá nhân)

- Các chủ thể liên quan gián tiếp đến hoạt động XNK có thể là (nhưng không chỉ giới hạn trong các đối tượng này):

+ Các đại lý khai thuế/môi giới hải quan: nắm giữ các chứng từ thương mại, hải quan, các thông tin khác về hàng hóa và trị giá.

+ Các doanh nghiệp XNK ủy thác: nắm giữ các thông tin giao dịch trước khi ký hợp đồng thương mại và thực hiện hợp đồng.

+ Các doanh nghiệp kho vận, logistics: nắm giữ các chứng từ vận chuyển hàng hóa, số lượng bản chất chủng loại, đơn giá, tổng trị giá hàng hóa.

+ Các hãng vận tải hàng hóa XNK: Phát hành và lưu trữ chứng từ vận chuyển hàng hóa, hành trình của phương tiện vận tải, cước phí vận tải (để xác định trị giá hải quan và xuất xứ hàng hóa), biển bản hải sự, báo cáo tổn hại hàng hóa (để xem xét trường hợp tổn thất trị giá thương mại của hàng hóa là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới việc xét giảm số tiền thuế phải nộp thường dễ bị lợi dụng để gian lận tiền thuế).

+ Các hãng bảo hiểm hàng hóa XNK: phát hành và nắm giữ các chứng từ bảo hiểm, phí bảo hiểm (một yếu tố cấu thành trị giá hải quan) và các chứng từ khác (Trị giá bảo hiểm, số tiền bảo hiểm) để xác định trị giá hải quan, mối quan hệ tương tác về thời gian ghi trên chứng từ bảo hiểm với thời gian ghi trên các chứng từ khác có ý nghĩa quan trọng trong nghiệp vụ xét đoán chứng từ.

+ Các ngân hàng thương mại: nắm giữ các chứng từ ghi nhận số tiền thực tế người mua đã chuyển trả cho người bán, để từ đó phân tích với nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa về hình thức thanh toán, phương thức thanh toán, thời điểm thanh toán là cơ sở để kiểm tra sự trung thực của trị giá mà doanh nghiệp khai báo với cơ quan hải quan.

+ Các cơ quan, tổ chức giám định hàng hóa: phát hành và nắm giữ các chứng từ giám định về hàng hóa như số lượng, trọng lượng, chất lượng hàng hóa là yếu tố xét đoán về trị giá khai báo, tổng trị giá của hợp đồng và là yếu tố thường được lợi dụng để gian lận trị giá khai báo và gian lận tiền thuế phải nộp.

Tại một số các quốc gia thì các đối tượng có liên quan trực tiếp đến thương mại quốc tế (người XNK/người XNK ủy thác) là đối tượng trực tiếp của KTSTQ, các đối tượng khác có trách nhiệm hợp tác, giúp đỡ, và cung cấp các thông tin cần thiết khi cơ quan hải quan có yêu cầu.

Phạm vi kiểm tra

KTSTQ chỉ kiểm tra xét đoán các chứng từ thương mại, chứng từ XNK, các ghi chép kế toán ngân hàng có liên quan đến các lô hàng XNK. Đặc điểm này khẳng định chức năng chuyên biệt chuyên ngành không thể thay thế của KTSTQ và phân biệt nó với mọi loại hình kiểm tra, kiểm toán khác.

Mục đích hoạt động kiểm tra sau thông quan

Mục đích của hoạt động KTSTQ là kiểm tra việc chấp hành Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy

định có liên quan đến chính sách mặt hàng, từ đó phát hiện, ngăn chặn tình trạng gian lận về thuế.

Quá trình thực hiện KTSTQ đòi hỏi công chức hải quan phải kiểm tra xét đoán xem doanh nghiệp có chấp hành nghiêm túc các văn bản pháp quy, các quy định mà doanh nghiệp có nghĩa vụ phải chấp hành hay không, xét về góc độ này KTSTQ thuộc loại hình kiểm toán tuân thủ. Nhưng mục đích chính của KTSTQ là phát hiện tình trạng gian lận (chủ yếu là gian lận thuế qua giá, gian lận về xuất xứ hàng hóa, số lượng, trọng lượng, mã số hàng hóa) để trốn lậu thuế vì vậy phải kiểm tra xét đoán sổ và chứng từ kế toán, chứn từ ngân hàng tức bằng các kiến thức của kiểm toán tài chính. Như vậy xét về bản chất thì KTSTQ thuộc loại hình kiểm toán tuân thủ - tài chính.

Hoạt động KTSTQ phụ thuộc rất nhiều vào quy định pháp luật của Nhà nước, trước hết là Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Quản lý thuế, Luật Kế toán, Luật Ngân hàng,... các luật này của các nước không giống nhau. Vì vậy, mục đích kiểm tra và phạm vi hoạt động KTSTQ của các nước là không giống nhau.

1.1.3. Vai trò của Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Kiểm tra sau thông quan là mô hình đã được xây dựng và phát triển có hiệu quả ở hầu hết các quốc gia phát triển trên thế giới tuy có khác nhau về tên gọi, cơ cấu tổ chức, môi trường pháp lý, đào tạo cán bộ,... Nhưng lại hoàn toàn giống nhau về chức năng cơ bản là phát hiện và ngăn chặn gian lận thương mại trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thông qua hoạt động KTSTQ.

Hiện nay, việc kiểm tra thực tế hàng hóa tại cửa khẩu là rất ít (không quá 15% số lô hàng qua cửa khẩu, tỷ lệ kiểm tra hàng hóa theo lô hàng chủ yếu dưới 10%) chủ yếu tập trung phát hiện hàng hóa cấm XNK, hàng hóa bị hạn chế XNK. Thời gian kiểm tra tối đa của việc kiểm tra thực tế hàng hóa là 8 giờ, trường hợp đặc biệt gia hạn không quá 2 ngày. Việc kiểm tra bộ chứng

từ trong quá trình thông quan cũng đã quy định tối đa là 2 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận đề giải quyết thủ tục thông quan. Do đó việc tăng cường hoạt động KTSTQ thay thế cho phương thức kiểm tra tại cửa khẩu có vai trò rất quan trọng để đảm bảo hiệu quả công tác QLNN về hải quan:

Thứ nhất, thực hiện được việc chống gian lận thương mại có hiệu quả hơn mà vẫn giải quyết được việc thông quan hàng hóa nhanh chóng tại các cửa khẩu góp phần tích cực vào phát triển thương mại quốc tế.

Thứ hai, đảm bảo việc chấp hành Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, các quy định về XNK của các Bộ, ngành liên quan và các hiệp định thương mại quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Thứ ba, giúp hoạt động sản xuất hàng hóa và xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài được thuận lợi hơn, đảm bảo cho doanh nghiệp trong nước có lợi thế để cạnh tranh với hàng hóa và doanh nghiệp của các nước khác trên thị trường quốc tế.

Thứ tư, phát hiện và ngăn ngừa tình trạng gian lận và hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp.

Thứ năm, ngăn chặn tình trạng gian lận và trốn thuế xuất khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ tiền thuế cho NSNN.

Thứ sáu, phát hiện và ngăn ngừa việc xuất khẩu các mặt hàng cấm xuất khẩu, các mặt hàng quản lý hạn ngạch xuất khẩu, các mặt hàng hạn chế xuất khẩu như tài nguyên khoáng sản, nguyên liệu thô.

1.1.4. Cơ sở pháp lý của Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Đứng trước yêu cầu thực hiện lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đã và sẽ tham gia, năm 2001 Luật Hải quan được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2001, đã đặt nền móng cho cơ sở pháp lý tại Điều 32 quy định: Trong trường hợp phát hiện có dấu vi phạm pháp luật Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được

thông quan, cơ quan hải quan được áp dụng biện pháp KTSTQ. Luật cũng quy định các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan phải tạo điều kiện cung cấp chứng từ kế toán, các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ việc KTSTQ của hải quan.

Đến năm 2014, Luật Hải quan được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014, đã được cụ thể hóa trong Mục 9 với 5 Điều từ Điều 77 đến Điều 82 quy định về KTSTQ. Theo đó KTSTQ là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan.

Việc KTSTQ nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

KTSTQ được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan. Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa.

Thời hạn KTSTQ là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Luật đã quy định rõ về các trường hợp KTSTQ (Điều 78), việc KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan và trụ sở người khai hải quan (Điều 79, Điều 80), về Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức hải quan trong KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan (Điều 81), Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan trong KTSTQ (Điều 82).

1.1.5. Trình tự tiến hành kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Trình tự tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu cơ bản giống trình tự KTSTQ nói chung. Nếu trình tự của nghiệp vụ kế toán là bắt buộc không thể

bỏ qua và cũng không thể đảo ngược thì trình tự kiểm tra sau sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu cơ bản là linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thực tế và phụ thuộc một phần vào tư duy kiểm tra xem xét của đội ngũ công chức thực hiện KTSTQ và Trưởng đoàn kiểm tra. Không có một khuôn mẫu trình tự nhất định áp dụng cho mọi cuộc KTSTQ, nhưng xét về mặt khái quát thì trình tự tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu phải thực hiện qua 3 bước cơ bản: Bước 1: Chuẩn bị kiểm tra. Bước 2: Thực hành kiểm tra. Bước 3: Kết thúc kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra.

Trình tự này có thể chi tiết thành tám bước dựa trên kinh nghiệm của hải quan các nước cũng như kết quả thực tế tại Việt Nam trong thời gian qua. Cụ thể là:

- Bước 1: Xác định đối tượng kiểm tra
- Bước 2: Kiểm tra bộ hồ sơ hải quan
- Bước 3: Lập kế hoạch KTSTQ
- Bước 4: Khảo sát trước kiểm tra
- Bước 5: Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thương mại
- Bước 6: Kiểm tra chứng từ ngân hàng
- Bước 7: Kiểm tra chứng từ và sổ kế toán
- Bước 8: Lập biên bản kết luận kiểm tra

Không phải cuộc kiểm tra nào cũng bắt buộc phải thực hiện đầy đủ 8 bước trên đây. Chẳng hạn kiểm tra chứng từ thương mại công chức KTSTQ phát hiện ra đầy đủ sự gian lận của người khai hải quan, người khai hải quan thừa nhận kết quả kiểm tra thì có thể đi đến kết luận của cuộc kiểm tra.

Sơ đồ 1.1. sau đây mô tả chi tiết 8 Bước KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu cơ bản được áp dụng rộng rãi trong ngành Hải quan nói chung và Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa nói riêng.



Sơ đồ 1.1: Tám bước Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Nguồn: Tổng cục Hải quan, Nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, Hà Nội, 2003 [24]

1.2. CÁC YẾU TỐ CỦA MÔ HÌNH TỔ CHỨC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

1.2.1. Đối tượng, mục đích, nguyên tắc, thời hạn và phạm vi của kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Đối tượng của KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là Hồ sơ hải quan, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, chứng từ, tài liệu, dữ liệu có liên quan, hàng hóa xuất khẩu đã thông quan của chủ hàng; của người được chủ hàng ủy quyền; của tổ chức, cá nhân xuất khẩu; của đại lý làm thủ tục hải quan và của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh (gọi tắt là doanh nghiệp) [7].

Mục đích của KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là để phát hiện và ngăn chặn các hành vi gian lận về thuế, chính sách mặt hàng xuất khẩu,... Hành vi gian lận về thuế và chính sách mặt hàng xuất khẩu chủ yếu ở loại hình xuất khẩu theo hợp đồng thương mại (xuất kinh doanh) là các mặt hàng xuất khẩu của doanh nghiệp chịu thuế suất thuế xuất khẩu, các mặt hàng hạn chế xuất khẩu, cấm xuất khẩu theo chính sách mặt hàng của Việt Nam từng thời kỳ, và lợi dụng chính sách hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu kinh doanh của doanh nghiệp [7].

Nguyên tắc của KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà doanh nghiệp đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; thẩm định việc tuân thủ của doanh nghiệp đối với pháp luật hải quan, pháp luật thuế và các pháp luật khác liên quan đến quản lý hàng hóa xuất khẩu [7].

Cơ quan hải quan áp dụng phương pháp quản lý rủi ro để lựa chọn đối tượng kiểm tra, phạm vi kiểm tra, nội dung kiểm tra và hình thức KTSTQ.

Thời hạn thực hiện KTSTQ đối với các hồ sơ hải quan, hàng hóa đã thông quan là 5 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Trường hợp doanh nghiệp có sai phạm tương tự ngoài thời hạn kiểm tra, doanh nghiệp có trách nhiệm tự rà soát và thực hiện khai bổ sung, nộp đủ tiền thuế theo quy định [7].

Phạm vi KTSTQ căn cứ vào yêu cầu của mỗi cuộc KTSTQ và từng trường hợp kiểm tra, cơ quan hải quan sẽ xác định phạm vi KTSTQ:

- Kiểm tra việc xuất khẩu một mặt hàng của một doanh nghiệp trong một giai đoạn.
- Kiểm tra việc xuất khẩu nhiều mặt hàng của một doanh nghiệp trong một giai đoạn.
- Kiểm tra một hoặc nhiều nội dung (ví dụ kiểm tra chính sách, trị giá, mã số, nguồn gốc hàng hóa) của một hoặc nhiều mặt hàng xuất khẩu của một doanh nghiệp trong một giai đoạn.
- Kiểm tra một hoặc nhiều loại hình xuất khẩu của một doanh nghiệp trong một giai đoạn.
- Kiểm tra tất cả hoạt động xuất khẩu của một doanh nghiệp trong một giai đoạn [7].

1.2.2. Nội dung kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ hải quan đang lưu giữ tại doanh nghiệp và cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.
- Kiểm tra đối chiếu hồ sơ khai báo với sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, chứng từ, hợp đồng mua bán ngoại thương của doanh nghiệp còn lưu giữ tại doanh nghiệp (kể cả dữ liệu điện tử)
- Kiểm tra tính chính xác của các căn cứ tính thuế, tính chính xác của việc khai các khoản thuế phải nộp, được miễn, không thu, được hoàn;
- Kiểm tra, phân tích, phân loại mã số hàng hóa đối với mặt hàng xuất khẩu tương tự, giống hệt mà doanh nghiệp dự kiến xuất khẩu theo cùng hợp đồng đã ký.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về thuế;
- Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hải quan.

- Kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu đã thông quan tại trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp, cửa hàng, nơi sản xuất hoặc nơi lưu giữ hàng hóa trong trường hợp cần thiết [7].

1.2.3. Hình thức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Theo phương pháp quản lý rủi ro mà cơ quan hải quan đang áp dụng hiện nay, KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu được thực hiện dưới 02 hình thức là cơ quan hải quan KTSTQ theo kế hoạch hàng năm và kiểm tra theo trọng tâm trọng điểm về mặt hàng nghi vấn và đối tượng có nghi vấn theo cơ sở thông tin, phân tích dữ liệu được quản lý bởi cơ quan hải quan. Kiểm tra theo kế hoạch là việc KTSTQ được xác lập kế hoạch của cơ quan hải quan, được thống nhất chung giữa hải quan địa phương và cơ quan hải quan cấp trên. Kiểm tra theo trọng tâm, trọng điểm là hình thức kiểm tra theo chuyên đề thường là đột xuất đối với một số mặt hàng cụ thể, trọng tâm cần phải tiến hành KTSTQ trong thời gian sớm nhất có thể để kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận của doanh nghiệp.

Hình thức cụ thể tiến hành KTSTQ hiện nay là KTSTQ tại trụ sở của doanh nghiệp hoặc tại trụ sở cơ quan hải quan:

- KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan: KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan là hoạt động thường xuyên của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, hàng hoá xuất khẩu đã được thông quan trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hàng hóa được thông quan đến ngày thông báo kiểm tra.

KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro trên cơ sở các thông tin, hồ sơ:

- + Các thông tin, nghi vấn từ cơ sở dữ liệu của ngành.
- + Các dấu hiệu vi phạm, nghi ngờ từ các Chi cục Hải quan làm thủ tục thông quan hàng hóa, các đơn vị nghiệp vụ chuyên.
- + Các thông tin do Chi cục KTSTQ thu thập được về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hàng hoá xuất khẩu đã được thông quan [7].

- KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp: Trường hợp KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp:

+ KTSTQ đối với các trường hợp KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan chuyển do chưa xác định được hoặc xác định được dấu hiệu vi phạm và cần tiếp tục kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp để mở rộng diện kiểm tra xác định số lượng, khối lượng và mức độ vi phạm.

+ KTSTQ khi có dấu hiệu doanh nghiệp vi phạm pháp luật.

+ KTSTQ theo kế hoạch để thẩm định sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và được thực hiện theo kế hoạch do Tổng cục Hải quan phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Cục hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố.

+ KTSTQ theo chuyên đề, do Thủ trưởng cơ quan hải quan cấp trên chỉ đạo cho cấp thi hành [7].

1.2.4. Đặc điểm của Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu thương mại theo hợp đồng mua bán hàng hóa có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, kiểm tra việc xuất khẩu hàng hóa được thực hiện theo hợp đồng mua bán hàng hóa thương mại (Sales Contract) giữa người bán là doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh ở Việt Nam với đối tác nước ngoài, đối tác là pháp nhân, thể nhân ở bên ngoài lãnh thổ của Việt Nam.

Thứ hai, sau khi thực hiện thủ tục khai báo hải quan và thông quan, hàng hóa được đưa ra ngoài lãnh thổ Việt Nam nên thông tin về hàng hóa đã thực xuất khẩu chỉ còn tồn tại trên các chứng từ đã phát hành, sổ sách kế toán của người bán (người khai hải quan) và các chứng từ lưu trữ ở ngân hàng, cơ quan giám định hàng hóa, doanh nghiệp vận tải, bảo hiểm,...

Thứ ba, hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa là đối tượng được ưu tiên nhất trong tất cả các loại hình XNK hàng hóa phải khai báo với cơ quan hải quan. Nghĩa là phần lớn hàng hóa được xem xét phân loại

tự động ở mức độ là luồng xanh (miễn kiểm tra thực tế hàng hóa và không kiểm tra chi tiết hồ sơ xuất khẩu) nên doanh nghiệp thường lợi dụng sự ưu tiên này để gian lận trong khai báo, thông quan và xuất khẩu hàng hóa. Cơ quan KTSTQ thường gặp nhiều khó khăn hơn trong quá trình đấu tranh, kiểm tra và tìm kiếm bằng chứng chứng minh có sự gian lận trong khai báo, chính sách mặt hàng của doanh nghiệp.

Thứ tư, hồ sơ khai báo hải quan khi xuất khẩu và thông quan hàng hóa không yêu cầu cung cấp xuất trình hợp đồng thương mại, hóa đơn xuất khẩu và các chứng từ khác như nguồn gốc, xuất xứ, giám định chất lượng, số lượng,... Hiện nay, theo Luật Hải quan năm 2014, hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại cơ bản thì chỉ cần 01 bản khai báo của người khai hải quan để làm thủ tục thông quan hàng hóa và không kèm theo bất cứ chứng từ, hồ sơ nào khác để được thông quan hàng hóa.

Thứ năm, hàng hóa xuất khẩu thường đồng nhất, tương tự giống hệt trong suốt quá trình xuất khẩu của người bán và người mua do nhu cầu mua của đối tác nước ngoài thường là lớn và năng lực sản xuất, cung cấp của người bán thường là có hạn. Đây là đặc điểm thuận lợi cho việc KTSTQ vì thông tin về hàng hóa đã xuất khẩu cơ bản giống thông tin hàng hóa do doanh nghiệp đang sản xuất và còn tiếp tục xuất khẩu. Qua đó có điều kiện so sánh đối chiếu hàng hóa đã xuất khẩu với hàng hóa còn trong kho của doanh nghiệp về chủng loại, số lượng, mã số, trị giá,...

1.2.5. Mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Mô hình tổ chức KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam hiện nay đang thực hiện theo 02 cấp thống nhất:

- *Cấp Tổng cục Hải quan*: Tổng cục Hải quan quản lý, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động KTSTQ trong phạm vi toàn quốc; phê duyệt kế hoạch KTSTQ đối với trường hợp kiểm tra theo kế hoạch, theo chuyên đề; phân công đơn vị

thực hiện đối với các trường hợp KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp ngoài địa bàn quản lý.

- *Cấp Hải quan địa phương*: Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo kiểm tra hoạt động KTSTQ trong địa bàn quản lý của Cục.

Cụ thể:

- *Đối với KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan*

KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro trên cơ sở các thông tin, hồ sơ:

- + Các thông tin, nghi vấn từ cơ sở dữ liệu của ngành.
- + Các dấu hiệu vi phạm, nghi ngờ từ các Chi cục Hải quan làm thủ tục thông quan hàng hóa, các đơn vị nghiệp vụ chuyên.
- + Các thông tin do Chi cục KTSTQ thu thập được về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hàng hoá xuất khẩu đã được thông quan.

Khi KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ có văn bản thông báo về nội dung, thời gian kiểm tra gửi doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến hồ sơ hải quan, hàng hóa xuất khẩu được kiểm tra, giải trình những nội dung liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa xuất nhập đã thông quan nếu cần thiết. Thời gian kiểm tra tối đa là 02 ngày làm việc; nội dung kiểm tra được ghi nhận bằng các biên bản kiểm tra.

Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các nội dung kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan; cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền đến làm việc, giải trình, cung cấp hồ sơ hải quan, chứng từ tài liệu có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu đã thông quan trong thời hạn 60 ngày do doanh nghiệp lưu giữ, để làm rõ các vấn đề cơ quan hải quan nghi vấn [7].

- *Đối với KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp*:

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định, tổ chức thực hiện KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc đối với các trường hợp:

+ Các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chính sách lớn, các loại hình, mặt hàng xuất khẩu có độ rủi ro cao;

+ Các doanh nghiệp đã được KTSTQ, nhưng có dấu hiệu vi phạm cần tiếp tục thực hiện KTSTQ.

+ Các vấn đề mà địa phương thực hiện không thống nhất;

+ Các doanh nghiệp lớn có hoạt động xuất khẩu tại nhiều địa phương;

+ Các trường hợp kiểm tra theo chuyên đề;

+ Các trường hợp khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt.

Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định, tổ chức thực hiện KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp đối với trường hợp kiểm tra theo kế hoạch hoặc theo chuyên đề.

Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ quyết định, thực hiện KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp theo địa bàn quản lý được phân công đối với trường hợp kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm.

Trường hợp kiểm tra doanh nghiệp không thuộc phạm vi địa bàn quản lý được phân công, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét phân công đơn vị thực hiện kiểm tra [7].

1.3. KINH NGHIỆM KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN Ở MỘT SỐ CỤC HẢI QUAN ĐỊA PHƯƠNG VÀ BÀI HỌC CHO CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA

1.3.1. Kinh nghiệm

1.3.1.1. Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Lào Cai

Cục Hải quan tỉnh Lào Cai nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam, có tuyến quốc lộ số 2 qua tỉnh Vân Nam của Trung Quốc và nhiều cửa khẩu đường bộ giao thương với Trung Quốc. Là địa phương có nhiều nguồn khoáng sản xuất khẩu qua biên giới sang Trung Quốc nên việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu được Cục Hải quan tỉnh Lào Cai khá chú trọng.

Năm 2013, Cục Hải quan tỉnh Lào Cai chú trọng kiểm tra một số doanh nghiệp xuất khẩu quặng sắt và tinh quặng sắt trên địa bàn. Qua công tác thu

thập thông tin, đấu tranh thu thập các nguồn tài liệu số liệu kế toán, nộp thuế tài nguyên, các chứng từ thể hiện việc nộp thuế, phí liên quan đến xuất khẩu khoáng sản, khai thác khoáng sản, vận chuyển khoáng sản đã phát hiện doanh nghiệp đã khai thác và xuất khẩu với số lượng 40.495 tấn quặng sắt đã qua chế biến.

Tuy nhiên qua kiểm tra, xác minh từ hồ sơ, chứng từ do cơ quan thuế nội địa phối hợp cung cấp thông tin cho thấy doanh nghiệp đã không thực hiện các nghĩa vụ về việc nộp thuế tài nguyên. Số lượng quặng sắt chưa kê khai nộp thuế tài nguyên là 24.185 Tấn. Tổng số tiền thuế phải nộp bổ sung là trên 2,9 tỷ đồng.

1.3.1.2. Kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình

Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình là Cục Hải quan QLNN về hải quan trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có cả cửa khẩu đường bộ và đường biển tại khu vực miền Trung của Việt Nam. Hoạt động XNK của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình khá đa dạng trong đó hoạt động xuất khẩu một số mặt hàng khoáng sản theo hợp đồng mua bán hàng hóa có tỷ trọng lớn và rủi ro vi gian lận và vi phạm là cao.

Thực hiện kế hoạch KTSTQ năm 2013, Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình đã tập trung kiểm tra doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng khoáng sản là quặng Ilmenite và quặng đuôi thải có số lượng lớn, kim ngạch xuất khẩu cao. Tuy nhiên việc khai báo trị giá hải quan để nộp thuế xuất khẩu có dấu hiệu không ổn định và bất thường. Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình đã tiến hành kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp để thu thập kiểm tra hồ sơ sổ sách kế toán và đối chiếu lại với khai báo hải quan. Qua kiểm tra phát hiện doanh nghiệp ghi sổ sách kế toán với doanh thu tăng thêm 1.121.962.704 đồng. Đối chiếu với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa người mua và người bán thì không thể hiện có sự điều chỉnh về trị giá theo hợp đồng và khai báo hải quan.

Số tiền chênh lệch trên không được báo cáo với cơ quan hải quan, doanh nghiệp giải trình là hỗ trợ từ phía người mua cho doanh nghiệp để tạo uy tín, giữ mối hàng hóa. Tuy nhiên lý do giải trình của doanh nghiệp bị bác bỏ. Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình đã ban hành quyết định ấn định thuế và truy thu 336.588.811 đồng và xử phạt vi phạm hành chính, vi phạm khai báo về thuế theo quy định hiện hành.

1.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Thứ nhất, KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là một nội dung nghiệp vụ mới, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các khâu nghiệp vụ trong đơn vị cấp Cục Hải quan địa phương, đặc biệt giữa khâu KTSTQ với khâu thông quan.

Thứ hai, trong quá trình tổ chức thực hiện KTSTQ cần có sự phối hợp giữa cơ quan hải quan và cơ quan thuế nội địa để nắm bắt được các phát sinh các gian lận liên quan đến thuế tài nguyên, phí môi trường mà doanh nghiệp chưa thực hiện kê khai đầy đủ với cơ quan thuế nội địa. Việc phối hợp giữa cơ quan thuế nội địa với hải quan trong quá trình giám sát, kiểm soát thực hiện các nghĩa vụ về phí, thuế phải nộp liên quan đến hàng hóa xuất khẩu là rất cần thiết để kịp thời phát hiện các trường hợp doanh nghiệp không khai báo, có dấu hiệu gian lận nhằm ngăn chặn tình trạng gian lận thuế kịp thời.

Thứ ba, cần thực hiện tốt công tác chuẩn bị kiểm tra. Đây là bước quan trọng tiền đề cho sự thành công của một cuộc kiểm tra đối với hàng hóa xuất khẩu. Thông tin dữ liệu cần phải chuẩn bị đầy đủ cho việc đấu tranh với doanh nghiệp như: Thông tin dữ liệu giá tính thuế toàn quốc: GTT01, GTT02, thông tin giá cả thị trường nội địa, các bằng chứng thu thập được hợp pháp từ ngân hàng, đơn vị vận tải hàng hóa và từ người mua nước ngoài qua việc họ chào bán cung cấp trên mạng Internet.

Thứ tư, trong quá trình kiểm tra doanh nghiệp thì cần khéo léo trong ứng xử với doanh nghiệp, chú ý lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ với doanh

ngiệp những khó khăn vướng mắc, tạo không khí hợp tác và tôn trọng pháp luật trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động KTSTQ của cơ quan hải quan.

Thứ năm, để có thể phát hiện người xuất khẩu không khai báo các khoản phải thu, phải trả thực tế của hàng hóa khai báo, doanh nghiệp vẫn tiến hành hạch toán sổ sách kế toán, sau khi phát hiện bằng chứng thì phải đảm bảo bảo vệ được bằng chứng như: yêu cầu sao y sổ sách kế toán, chứng cứ tài liệu lưu trữ trước khi chứng minh với doanh nghiệp để đảm bảo tính bất ngờ nhằm mục đích không cho doanh nghiệp điều kiện chính sửa sổ sách, xây dựng bằng chứng giả thay thế, chối tội...

Thứ sáu, nội dung kiểm tra phải luôn luôn bám sát với mục tiêu cụ thể của cuộc kiểm tra đề ra nhằm nhanh chóng tìm ra sự bất hợp lý, thu thập đủ các căn cứ chứng minh hợp pháp để buộc doanh nghiệp phải giải trình khoa học, hợp lý cả về luật pháp và thông lệ kinh doanh thương mại hay phải thừa nhận sự sai phạm của mình trong khai báo hải quan.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA

2.1. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

2.1.1. Khái quát về Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa là đơn vị trực thuộc Tổng cục Hải quan, có chức năng tổ chức thực hiện pháp luật của Nhà nước về hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan trên địa bàn hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Tiền thân của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa là “Chi sở Thuế XNK” được thành lập từ năm 1951 tại Vân Hoàn (Nga Lĩnh - Nga Sơn) với các đồn: Đồn Hang (Nga Trường); Đồn Hồ Vương (Nga Liên); Đồn Lạch Sung; Đồn Lèn (Hà Trung); Trạm Báo Văn... Nhiệm vụ chính lúc bấy giờ của Chi sở Thuế XNK Thanh Hoá là chống buôn lậu và vận chuyển hàng hoá trái phép giữa vùng tự do và vùng địch tạm chiếm.

Cuối năm 1955, Sở Hải quan Trung ương đã cho thành lập ở Thanh Hóa Đội Kiểm soát Hải quan lưu động trực thuộc Sở Hải quan Trung ương, trụ sở của Đội đóng ở vùng núi Đén (thuộc xã Xuân Bái, Thọ Xuân ngày nay) với biên chế 15 người. Nhiệm vụ của Đội là làm công tác vận động quần chúng phối hợp với các cơ quan công an nhân dân, công an vũ trang... sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để chống và bắt các vụ buôn lậu thuốc phiện, vàng bạc và vận động các đối tượng nghiện hút đi cai nghiện.

Năm 1960, Bộ Ngoại thương quyết định thành lập Phòng Hải quan Na Mèo trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa với nhiệm vụ giám quản hàng hóa, công cụ vận tải XNK và kiểm soát chống buôn lậu.

Năm 1963, Phòng Hải quan Na Mèo được đổi tên thành phòng Hải quan Thanh Hóa, trực thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh Thanh Hóa (theo Quyết định số 706 ngày 01/04/1963), trụ sở đóng tại Phố Cống - huyện Ngọc Lặc - tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 12/12/1971, Bộ Ngoại thương ra Quyết định thành lập Chi cục Hải quan Thanh Hóa, trực thuộc Cục Hải quan Trung ương. Nhiệm vụ chủ yếu của Chi cục Hải quan Thanh Hóa là: giám quản hàng hóa, hành lý, ngoại hối, công cụ vận tải xuất nhập qua các cửa khẩu Na Mèo, Bát Mọt; Cảng Nghi Sơn; đường sắt liên vận quốc tế (ga Thanh Hóa - Hàm Rồng); thực hiện chính sách thuế XNK; chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa, ngoại hối qua biên giới.

Ngày 30/01/1985, Chi cục Hải quan Thanh Hóa được đổi tên thành Hải quan tỉnh Thanh Hóa. Đảng bộ cơ quan đã được thành lập thay cho chi bộ cơ sở, với số Đảng viên chiếm 60% tổng số cán bộ viên chức.

Ngày 07/3/1994 theo Quyết định số 16/CP của Chính phủ về tổ chức bộ máy của Tổng cục Hải quan, Hải quan tỉnh Thanh Hóa được đổi tên thành Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

Từ tháng 6/1995, Tổng cục Hải quan giao cho Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa triển khai công tác QLNN về hải quan tại tỉnh Ninh Bình, thành lập Hải quan thị xã Ninh Bình (nay là Chi cục Hải quan Ninh Bình).

Ngày 18/11/1995, Tổng cục Hải quan ra Quyết định số 708/TCHQ-TCCB thành lập Phòng Điều tra chống buôn lậu (nay là Phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm).

Căn cứ đề nghị của UBND tỉnh Nam Định và tờ trình của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, ngày 7/3/1996 Tổng cục Hải quan đã có Quyết định số 213/TCHQ-TCCB thành lập tổ chức Hải quan tại tỉnh Nam Hà (nay là Nam Định và Hà Nam) trực thuộc Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, lấy tên là “Hải quan Nam Định” (nay là Chi cục Hải quan Nam Định), để thực hiện chức năng QLNN hải quan tại tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Nam.

Ngày 06/4/1996, Tổng cục Hải quan có Quyết định số 315/TCHQ-TCCB về việc thành lập Phòng TCCB và đào tạo (nay là Phòng TCCB).

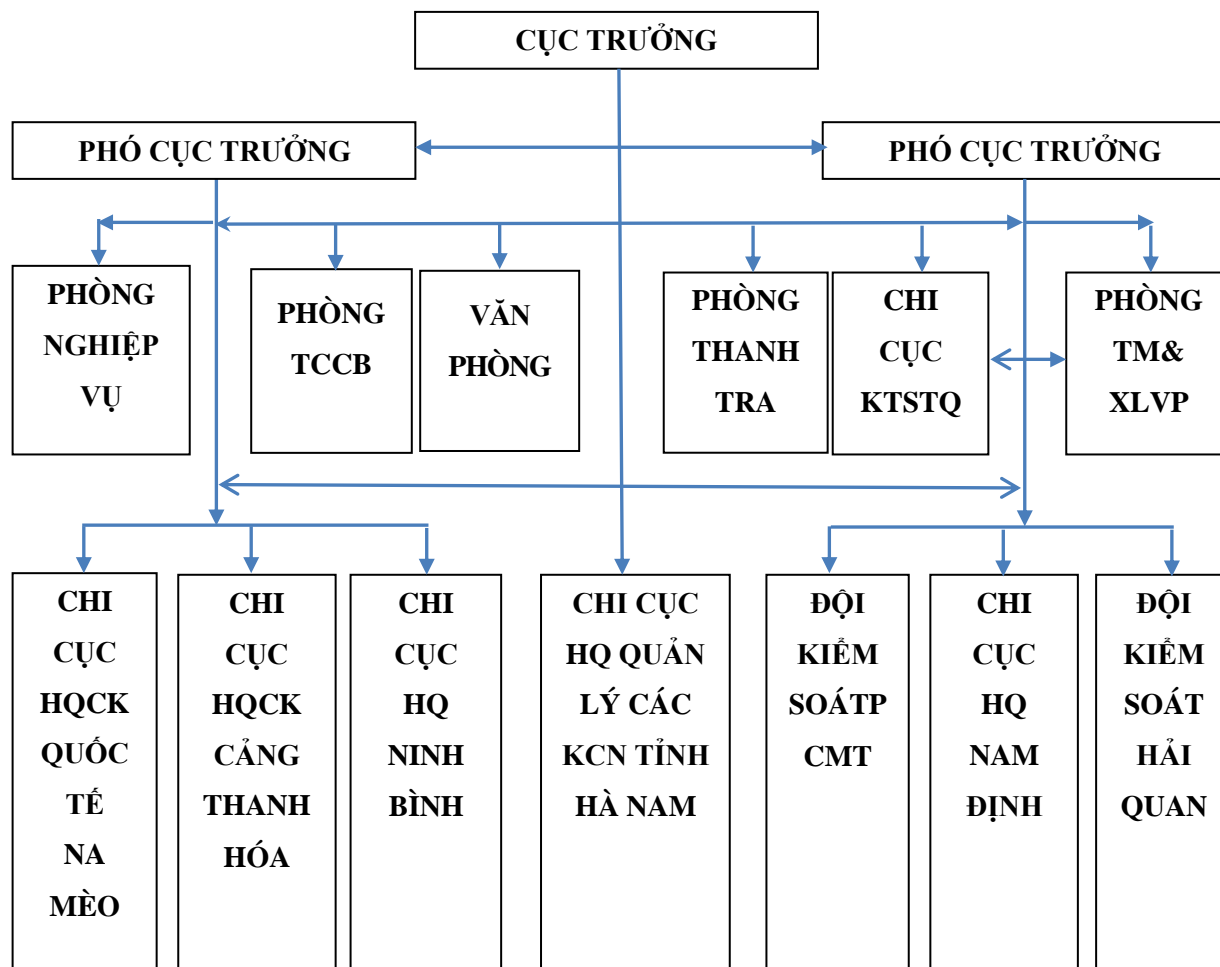
Ngày 06/6/2006, Bộ trưởng Bộ Tài chính có Quyết định số 34/2006/QĐ-BTC đổi tên Phòng KTSTQ thành Chi cục KTSTQ; Phòng Thanh tra đổi tên thành Phòng Kiểm tra - Thanh tra theo Quyết định số 2780/QĐ-BTC ngày 18/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (nay là Phòng Thanh tra).

Ngày 15/10/2008, Bộ trưởng Bộ Tài chính có Quyết định số 2279/QĐ-BTC về việc thành lập Chi cục Hải quan quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam (nâng cấp Đội thủ tục hải quan Hà Nam thuộc Chi cục Hải quan Ninh Bình).

Đến nay, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá có 249 CBCC và Người Lao động với 13 đơn vị thuộc và trực thuộc bao gồm:

Các đơn vị thuộc Cục gồm: Văn phòng Cục; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Thanh tra; Phòng Nghiệp vụ; Phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm.

Các đơn vị trực thuộc Cục gồm: Chi cục Hải quan Nam Định (bao gồm: Đội Tổng hợp, Đội Nghiệp vụ, Tổ công tác hải quan tại Cảng Hải Thịnh, Tổ công tác hải quan tại ICD Hòa Xá); Chi cục Hải quan Ninh Bình (bao gồm: Đội Tổng hợp, Đội Nghiệp vụ, Tổ công tác hải quan tại Cảng Ninh Phúc, Tổ công tác hải quan tại ICD Phúc Lộc); Chi cục Hải quan quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam (bao gồm: Đội Tổng hợp và Đội Nghiệp vụ); Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế Na Mèo (bao gồm: Đội Tổng hợp, Đội Nghiệp vụ, Đội thủ tục Hải quan Tén Tàn); Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Thanh Hoá (bao gồm: Đội Tổng hợp, Đội Nghiệp vụ và Đội thủ tục hải quan cảng Nghi Sơn); Chi cục KTSTQ (bao gồm: Đội Tham mưu tổng hợp và Đội KTSTQ); Đội Kiểm soát phòng chống ma túy (bao gồm: Tổ Tham mưu và Tổ Kiểm soát cơ động); Đội Kiểm soát Hải quan (Tổ công tác tàu HQ-63).



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2014

Trong quá trình phát triển và trưởng thành, Cục Hải quan Thanh Hoá đã tuân thủ nghiêm túc chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy trình nghiệp vụ của Ngành; phối hợp chặt chẽ với các ngành ở địa phương; coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra và đặc biệt là đề cao trách nhiệm tự kiểm tra ở từng cơ sở, từng phân hành công tác; chăm lo việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ chủ chốt, CBCC và HĐLĐ 68 (hơn 80% CBCC có trình độ đại học và sau đại học), quan tâm xây dựng và giữ gìn khối đoàn kết nội bộ; Thực hiện công bằng, công khai chính sách cán bộ. Bộ máy tổ chức từng bước được mở rộng và hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành Hải quan.

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện làm thủ tục hải quan và thông quan hàng hóa XNK với tổng trị giá đạt 16,375 tỷ USD trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa các loại hình đạt 7,927 tỷ USD và tổng kim ngạch nhập khẩu là 8,448 tỷ USD. Thu nộp vào NSNN trên toàn địa bàn quản lý cả 4 tỉnh là 6.671 tỷ đồng. Đây là một thành tích tương đối nổi bật của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa trong những năm vừa qua.

Bảng 2.1: Kết quả hoạt động của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Năm	Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)	Kim ngạch Nhập khẩu (Triệu USD)	Tổng giá trị KN XNK (Triệu USD)	Tổng số tiền thu nộp NSNN (Tỷ đồng)
2010	682	993	1,675	711.46
2011	1,120	1,189	2,309	1,304.00
2012	1,400	2,200	3,600	2,100.00
2013	2,107	1,736	3,843	1,284.73
2014*	2,618	2,330	4,948	1,271.00
Tổng cộng	7,927	8,448	16,375	6,671

*: Số liệu tính đến 18/10/2014 Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Khái quát hoạt động xuất khẩu, thu thuế xuất khẩu trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa loại hình xuất khẩu theo hợp đồng thương mại trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý trong những năm qua liên tục tăng nhanh. Trong đó các mặt hàng chính như may mặc, thủ công mỹ nghệ, nông sản là các mặt hàng chiếm tỷ trọng chính. Bên cạnh đó các mặt hàng có thuế xuất khẩu như các mặt hàng khoáng sản, đá vôi, quặng kim loại cũng tăng cao. Tình hình kim ngạch xuất khẩu loại hình kinh doanh có thể thống kê qua biểu sau:

Bảng 2.2: Bảng thống kê kim ngạch xuất khẩu theo hợp đồng thương mại trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý

ĐVT: Triệu USD

Năm	HQ Cảng Thanh Hóa	HQ Na Mèo	HQ Ninh Bình	HQ Nam Định	HQ Hà Nam	Tổng cộng
2006	24.57	3.41	7.76	18.10	-	53.83
2007	37.15	-	11.04	30.14	-	78.33
2008	44.18	-	8.23	45.58	1.26	99.25
2009	41.47	-	8.21	22.88	5.09	77.66
2010	75.81	-	10.27	19.89	21.13	127.10
2011	126.78	-	22.20	21.34	72.23	242.56
2012	161.46	6.46	15.82	18.66	39.75	242.15
2013	233.13	6.92	17.26	16.84	62.57	336.72
2014*	238.5	5.7	9.7	12.7	338.8	605.4
Tổng	847.19	15.69	104.82	200.08	221.81	1,389.59

**: Tính đến 18/10/2014*

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Cùng với quá trình tăng nhanh về kim ngạch xuất khẩu hàng hóa theo của các doanh nghiệp trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa thì số tiền thuế xuất khẩu trong cùng thời kỳ cũng có bước tăng trưởng đáng kể, chủ yếu từ năm 2008 trở lại đây do trước năm 2008 hoạt động xuất khẩu các mặt hàng của trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa không có mặt hàng chịu thuế suất thuế xuất khẩu. Cụ thể:

**Bảng 2.3: Bảng thống kê số thu thuế xuất khẩu trên địa bàn
Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý**

DVT: triệu VNĐ

Năm	HQ Cảng Thanh Hóa	HQ Na Mèo	HQ Ninh Bình	HQ Nam Định	HQ Hà Nam	Tổng cộng
2008	390.41	-	3.79	-	-	394.20
2009	6,912.61	-	1.98	-	-	6,914.59
2010	1,910.97	-	-	-	-	1,910.97
2011	449.38	-	-	39.75	3,675.29	4,164.42
2012	2,437.03	-	175.47	161.21	6,668.08	9,441.80
2013	11,319.30	-	2,179.70	-	3,684.12	17,183.11
2014*	17,378.41	-	620.47	-	2643	20,641.88
Tổng	40,798.11	-	2,981.41	200.96	16,670.49	60,650.97

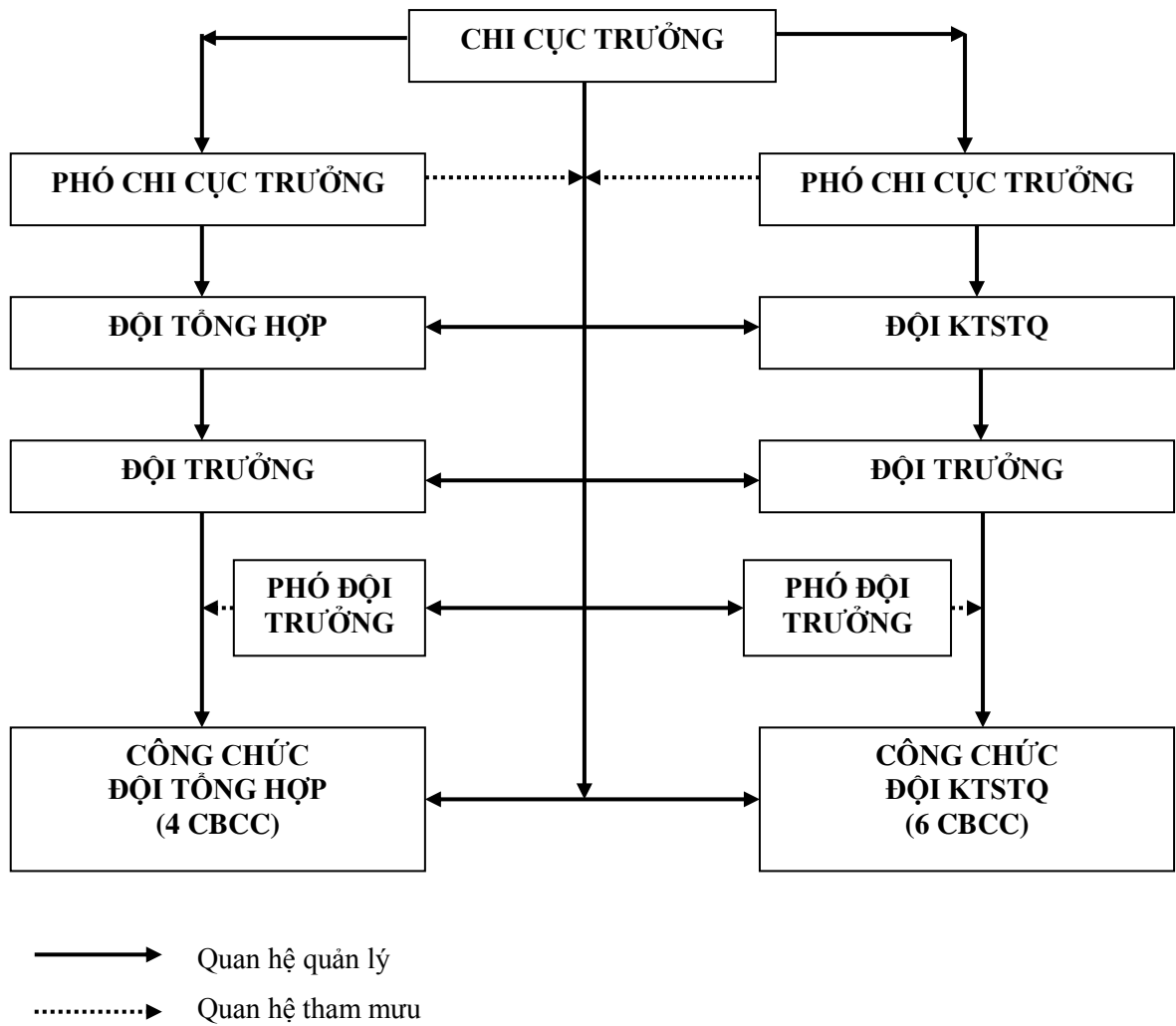
**: Tính đến 18/10/2014*

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

2.1.2. Đặc điểm của hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

2.1.2.1. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức bộ máy

Thực hiện Luật Hải quan năm 2001, với mục tiêu đổi mới công tác QLNN trong lĩnh vực hải quan theo kịp các nước phát triển trên thế giới, Hải quan Việt Nam đã từng bước hiện đại trên nhiều mặt. Trong đó, một trong những bước tiến quan trọng trong công tác QLNN về hải quan là chuyển từ công tác tiền kiểm sang hậu kiểm. Phòng KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa được thành lập theo đề án này từ năm 2003. Từ bước khởi đầu đó, năm 2006 Chi cục KTSTQ được thành lập theo Quyết định số 1092/QĐ-TCHQ ngày 26/6/2006 của Tổng cục Hải quan, đến năm 2010 được thay thế bằng quyết định số 1166/QĐ-TCHQ ngày 10/6/2010 với các chức năng nhiệm vụ thực hiện công tác KTSTQ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bao gồm vị trí, chức năng, quyền hạn cụ thể:



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức Chi cục KTSTQ 2014

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Thứ nhất, về vị trí và chức năng

- Chi cục KTSTQ là đơn vị trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Cục Hải quan tỉnh) có chức năng giúp Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh (sau đây gọi tắt là Cục trưởng) trong việc quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện KTSTQ và phức tập hồ sơ hải quan; trực tiếp thực hiện KTSTQ theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Chi cục KTSTQ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về nhiệm vụ và quyền hạn

Chi cục KTSTQ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hải quan, các quy định khác của Pháp luật có liên quan và những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

- Trình Cục trưởng chương trình, kế hoạch hàng năm về công tác KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh.

- Giúp Cục trưởng trong việc quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phức tạp hồ sơ hải quan và KTSTQ trong phạm vi quản lý của Cục Hải quan tỉnh.

- Thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin trong và ngoài ngành để phục vụ công tác KTSTQ.

- Giúp Cục trưởng trong việc ra quyết định KTSTQ

- Trực tiếp thực hiện KTSTQ theo quy định của pháp luật.

- Xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Cục trưởng trong việc xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vi phạm hành chính (phát hiện trong quá trình KTSTQ) thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục trưởng.

- Thực hiện việc ấn định, truy thu, truy hoàn tiền thuế và các khoản thu khác theo kết luận KTSTQ và quy định của pháp luật.

- Trực tiếp giao dịch với các tổ chức, cá nhân, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để xác minh, nắm tình hình, thu thập thông tin, tiếp nhận tin báo, tố giác phục vụ cho hoạt động KTSTQ.

- Giúp Cục trưởng sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện công tác phức tạp hồ sơ hải quan, công tác KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh.

- Thông qua công tác KTSTQ, giúp Cục trưởng phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những thiếu sót, bất cập trong quy định và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, quy trình, quy định nghiệp vụ của ngành, của Cục Hải quan tỉnh.

- Tuyên truyền pháp luật về KTSTQ.

- Thực hiện lưu trữ, bảo mật hồ sơ, tài liệu KTSTQ theo quy định.

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức và quản lý tài chính, tài sản, các trang thiết bị của Chi cục KTSTQ theo phân cấp của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh giao.

Thứ ba, về cơ cấu tổ chức

- Cơ cấu tổ chức của Chi cục KTSTQ thuộc Cục Hải quan tỉnh được cơ cấu theo quy định của Tổng cục Hải quan, hiện nay bao gồm 2 đội là Đội Tổng hợp và Đội KTSTQ.

- Nhiệm vụ cụ thể của Chi cục KTSTQ do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh quy định.

Biên chế của Chi cục KTSTQ do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh quyết định trong tổng biên chế được giao.

- Việc thành lập, sáp nhập, giải thể các Đội công tác thuộc Chi cục KTSTQ do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định.

Thứ tư, về lãnh đạo Chi cục KTSTQ

- Chi cục KTSTQ có Chi cục trưởng và một số Phó Chi cục trưởng. Đội trưởng và các phó Đội trưởng.

Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về nhiệm vụ được Chi cục trưởng phân công.

Đội trưởng trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ về toàn bộ hoạt động của Đội.

Phó Đội trưởng chịu trách nhiệm trước Đội trưởng về nhiệm vụ được Đội trưởng phân công.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng và các chức danh lãnh đạo khác của Chi cục KTSTQ thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thứ năm, mối quan hệ hoạt động nghiệp vụ của Chi cục KTSTQ

- Chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh.

- Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ KTSTQ của Cục KTSTQ.

- Có quan hệ phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, các đơn vị khác trong và ngoài ngành để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trên thực tế từ ngày đầu thành lập đến nay, về cơ cấu tổ chức, Phòng Kiểm tra được thành lập ban đầu có 4 cán bộ biên chế thực hiện các chức năng hỗ trợ các đơn vị trong toàn Cục Hải quan Thanh Hóa trong công tác phức tạp hồ sơ, kiểm tra hồ sơ đã thông quan tại các đơn vị cửa khẩu và tham mưu cho Lãnh đạo Cục đối với công tác sau thông quan. Năm 2006, Chi cục KTSTQ được thành lập bổ sung thêm 2 biên chế ban đầu là 6 cán bộ lãnh đạo và công chức nhằm thực hiện chức năng KTSTQ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Từ năm 2010 đến nay, cơ cấu tổ chức và bộ máy của Chi cục KTSTQ đã tăng nhanh về số lượng và nhiệm vụ được giao.

Bảng 2.4: Cơ cấu CBCC và lãnh đạo Chi cục KTSTQ

Năm	Tổng số lượng CBCC	Số lượng cán bộ lãnh đạo
2006	6	2
2007	6	2
2008	6	2
2009	6	3
2010	7	3
2011	13	3
2012	17	7
2013	17	7
2014	17	7

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2014

2.1.2.2. Đặc điểm về hoạt động quản lý và địa bàn kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Thứ nhất, địa bàn hoạt động và quản lý của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa và lực lượng KTSTQ là hoạt động liên tỉnh bao gồm hoạt động KTSTQ tại tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Nam.

Tại tỉnh Thanh Hóa, hoạt động xuất khẩu các mặt hàng theo hợp đồng mua bán chủ yếu bao gồm: Sản phẩm đá ốp, đá lát và đá trắng nguyên liệu, khoáng sản các loại như Cromite, quặng sắt và tinh quặng sắt, quặng Mangan và hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm và nguyên liệu từ gỗ cây rừng trồng, các mặt hàng thủy hải sản đã chế biến và các mặt hàng nông, lâm sản được chế biến xuất khẩu khác và một số sản phẩm hàng may mặc. Số lượng các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh trung bình trên 100 doanh nghiệp thường xuyên trên tổng số hơn 200 doanh nghiệp hoạt động XNK trên địa bàn tỉnh.

Tại tỉnh Ninh Bình, hoạt động xuất khẩu các mặt hàng theo hợp đồng mua bán hàng hóa với nước ngoài chủ yếu là hàng thủ công mỹ nghệ làm từ

đay, cói, sản phẩm nông lâm sản, xi măng, đá vôi, quặng sắt và tinh quặng sắt, sản phẩm may mặc, trong đó các mặt hàng như vôi sống, bột vôi, đá vôi, đá dolomite, sản phẩm từ đá vôi khác. Số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu hàng hóa trung bình trên 50 doanh nghiệp thường xuyên trên tổng số 160 doanh nghiệp hoạt động XNK trên địa bàn tỉnh.

Tại tỉnh Nam Định, hoạt động xuất khẩu các mặt hàng theo hợp đồng mua bán thương mại cũng chủ yếu tập trung vào các sản phẩm nông sản, thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, sản phẩm xe máy, ít có các mặt hàng xuất khẩu theo hợp đồng thương mại thuộc diện quản lý chặt như mặt hàng có nguồn gốc khoáng sản, mặt hàng hạn chế xuất khẩu, cấm xuất khẩu. Trung bình có khoảng 50 doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu hàng hóa theo hợp đồng thương mại trên tổng số 150 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Tại tỉnh Hà Nam, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào các sản phẩm may mặc, sản phẩm đá vôi, bột đá vôi, quặng dolomite, nguyên liệu cho ngành sản xuất nhựa, sản phẩm nông nghiệp. Số lượng doanh nghiệp thường xuyên tham gia hoạt động xuất khẩu khoảng 50 doanh nghiệp trên tổng số trên 200 doanh nghiệp làm thủ tục hải quan trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, lực lượng KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa bước đầu hình thành và phát triển. Với lực lượng CBCC chủ yếu là còn trẻ, số lượng còn ít, kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ KTSTQ chưa sâu. Trong khi đó đối tượng và loại hình KTSTQ là khá rộng về nhiều lĩnh vực như KTSTQ đối với hàng nhập khẩu kinh doanh, hàng hóa gia công may mặc, hàng hóa XNK theo loại hình sản xuất xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu đầu tư là máy móc thiết bị tạo tài sản cố định,... Do vậy việc bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi và KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại chưa nhiều.

2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA

2.2.1. Thực trạng hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu trong giai đoạn 2005-2014

Thực trạng giai đoạn đầu hình thành lực lượng KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa: Giai đoạn 2005-2010 là giai đoạn đầu thực hiện Luật Hải quan 2001, và Luật sửa đổi bổ sung Luật Hải quan 2005 theo lộ trình gia nhập WTO, hoạt động KTSTQ đang ở bước đầu của thời kỳ thành lập. Trong thời kỳ này, các mặt hàng có thuế suất thuế xuất khẩu và hạn chế xuất khẩu và cấm xuất khẩu còn ít theo chế độ chính sách của Việt Nam. Do đó, hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu chưa được chú trọng, do đó cũng chưa thực hiện một cuộc KTSTQ nào đối với hàng hóa xuất khẩu kinh doanh theo hợp đồng mua bán thương mại. Đây cũng là thực trạng chung của lực lượng KTSTQ trong cả nước.

Trong giai đoạn đầu thành lập này, lực lượng KTSTQ thực hiện Quy trình KTSTQ theo Quyết định số 621/QĐ-TCHQ ngày 29/3/2006 của Tổng cục Hải quan theo đó lực lượng KTSTQ phải thực hiện cả 02 nhiệm vụ là phức tập hồ sơ hải quan và KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trong đó bước phức tập hồ sơ là bước khởi đầu để kiểm tra, xem xét đánh giá rủi ro và dấu hiệu nghi vấn về các khả năng gian lận và vi phạm pháp luật hải quan của doanh nghiệp. Còn hoạt động KTSTQ thì đang bước đầu hình thành nên kết quả và hiệu quả chưa cao.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của lực lượng KTSTQ giai đoạn 2005-2010 có thể được tổng kết qua các bảng dưới đây về kết quả phức tập hồ sơ và kết quả KTSTQ:

**Bảng 2.5: Kết quả thực hiện nhiệm vụ phức tập hồ sơ KTSTQ
Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa**

Nội dung	ĐVT	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Số lượng bộ hồ sơ HQ phải phức tập	Bộ TK	5.290	18.757	23.703	27.765	23.028	34.903
Số lượng hồ sơ HQ đã phức tập	Bộ TK	5.222	18.430	23.546	27.526	22.240	33.422
Tỷ lệ đạt	%	98,71	98,26	99,34	99,14	96,58	95,76

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ phức tập hồ sơ, hoạt động KTSTQ cũng đã bước đầu có những kết quả nhất định:

**Bảng 2.6: Kết quả thực hiện nhiệm vụ KTSTQ
Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2005-2010**

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tổng
Số tiền thuế truy thu từ công tác phức tập hồ sơ	0	0	31,908	3.363,27	591,26	0	3.986,4
Số tiền thuế truy thu hàng hóa nhập khẩu từ KTSTQ	107,75	215,4	3160,2	75,07	1.112,3	408,79	5079,5
Số tiền thu phạt vi phạm	0	0	0	312,24	0	0	312,25
Tổng cộng	107,75	215,4	3.192,1	3.750,59	1.703,5	408,79	9.378,2

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, lực lượng KTSTQ Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa chưa thực hiện việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại trên địa bàn quản lý.

Thực trạng hoạt động KTSTQ giai đoạn 2011-2014: Thực hiện chỉ thị 568/CT-TCHQ ngày 09/02/2011 của Tổng cục Hải quan về tăng cường công tác KTSTQ. Lực lượng KTSTQ Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa đã tiếp tục được tăng cường về lực lượng. Từ số lượng 7 CBCC và lãnh đạo của năm 2010, Cục Hải quan tỉnh đã bổ sung luân chuyển thêm 6 CBCC có trình độ năng lực chuyên môn tốt của Cục cho Chi cục KTSTQ nâng tổng số biên chế lên 13 CBCC và Lãnh đạo để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ mà ngành Hải quan giao.

Năm 2011, Cục Hải quan tỉnh được giao chỉ tiêu thực hiện KTSTQ đối với 70 doanh nghiệp, đã tiến hành rút hồ sơ KTSTQ 67 doanh nghiệp. Trong đó hoàn thành 42 doanh nghiệp và ấn định số tiền thuế 3,88 tỷ đồng, xử phạt vi phạm hành chính hơn 170 triệu đồng. Đã thực hiện KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu kinh doanh và truy thu ấn định số tiền thuế là 117,58 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 3% trên tổng số tiền thuế ấn định)

Năm 2012, tiếp tục thực hiện chỉ thị 568/CT-TCHQ ngày 09/02/2011 của Tổng cục Hải quan, với sự quan tâm sát sao của Lãnh đạo Cục và nỗ lực của toàn bộ CBCC Chi cục KTSTQ, Chi cục KTSTQ đã tiến hành rút hồ sơ của 149 doanh nghiệp để tiến hành KTSTQ, đã hoàn thành KTSTQ 125 doanh nghiệp trong đó có 02 cuộc KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 117,9% so với chỉ tiêu Tổng cục Hải quan giao (125/106). Tổng số tiền thuế và phạt vi phạm hành chính đã ban hành là 3,844 tỷ đồng, trong đó số tiền thuế xuất khẩu là 63,217 triệu đồng.

Năm 2013, tiếp tục thực hiện chỉ thị 568/CT-TCHQ ngày 09/02/2011 của Tổng cục Hải quan, thực hiện quy trình KTSTQ số 3550/QĐ-TCHQ ngày 01/11/2013, Chi cục KTSTQ đã tiến hành KTSTQ với 65 doanh nghiệp trên địa bàn quản lý, trong đó có 07 doanh nghiệp được tiến hành KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp. Đã ấn định số tiền thuế là 18,45 tỷ đồng. Trong đó có 549,5 triệu đồng tiền thuế xuất khẩu được ấn định.

Năm 2014, thực hiện kế hoạch KTSTQ do Tổng cục Hải quan chỉ đạo, Chi cục KTSTQ - Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng và triển khai kế hoạch KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý. Theo đó, Tổng cục Hải quan phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TCHQ ngày 28/2/2014 với số lượng doanh nghiệp là 21 và bổ sung bằng quyết định số 244/QĐ-TCHQ ngày 15/9/2014 với số lượng 03 doanh nghiệp. Đến thời điểm hiện nay, Chi cục KTSTQ đã hoàn thành nhiệm vụ được giao trong đó ấn định tổng số tiền thuế là 7,4 tỷ đồng, trong đó có 210,2 triệu đồng là thu tiền thuế xuất khẩu qua KTSTQ.

Như vậy, có thể thấy trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2014 hoạt động KTSTQ có nhiều bước tiến vượt bậc cả về số lượng các doanh nghiệp được tiến hành KTSTQ cả về số tiền thuế truy thu và ấn định và xử phạt vi phạm hành chính:

Bảng 2.7: Kết quả KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2010-2014

Năm	Số lượng KTSTQ (DN)	Số tiền thuế truy thu, ấn định và xử phạt vi phạm hành chính (triệu VNĐ)
2010	5	409
2011	42	3.880
2012	125	3.840
2013	65	18.450
2014*	20	7.401
Tổng cộng		33.620

**: Số liệu tính đến 18/10/2014* *Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa*

2.2.2. Thực trạng việc tổ chức hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Trước năm 2008 nhằm khuyến khích xuất khẩu hàng hóa cho đất nước nên trong Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của Việt Nam hàng năm phần

lớn là thuế xuất khẩu bằng 0% (trừ mặt hàng dầu thô). Tuy nhiên kể từ năm 2008 đến nay, số lượng dòng hàng, mặt hàng có thuế suất thuế xuất khẩu càng tăng về số lượng và tỷ lệ thuế suất. Trong đó mặt hàng quặng sắt có thuế suất thuế xuất khẩu là 40%, quặng Crom là 30%. Ngoài ra các mặt hàng khác như Vôi sống, đá vôi trắng, bột đá,... là mặt hàng có thuế xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu cao đã góp phần vào hoạt động tăng thu thuế xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa (Kết quả như Bảng 2.3 đã trình bày ở trên).

Hoạt động xuất khẩu loại hình kinh doanh đối với một số mặt hàng như: may mặc, thủ công mỹ nghệ, da giày, mặt hàng nông sản, sản phẩm nông nghiệp, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng qua cửa khẩu đường bộ, hàng thủy sản đây là các mặt hàng chủ yếu không có thuế suất thuế xuất khẩu có rủi ro ít trong việc khai sai mã số và trị giá.

Bên cạnh đó các mặt hàng có nguồn gốc khoáng sản như đá vôi, vôi sống, quặng kim loại, bột đá vôi, đá vôi chưa qua chế biến làm vật liệu xây dựng là các mặt hàng có thuế suất thuế xuất khẩu cao nên có nhiều rủi ro trong việc khai báo sai về mã số hàng hóa và trị giá tính thuế để gian lận về thuế xuất khẩu của doanh nghiệp.

Do vậy, từ năm 2011 đến nay, Chi cục KTSTQ - Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều bước chú trọng trong hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu đối với các mặt hàng xuất khẩu theo hợp đồng mua bán thương mại với nước ngoài đối với hàng hóa có thuế suất thuế xuất khẩu này. Về mặt cơ bản thì việc tổ chức thực hiện KTSTQ được tiến hành theo 8 Bước cơ bản như đã quy định trong quy trình đó là: Xác định đối tượng kiểm tra; kiểm tra bộ hồ sơ hải quan; lập kế hoạch KTSTQ; khảo sát trước kiểm tra; kiểm tra hồ sơ, chứng từ thương mại; kiểm tra chứng từ ngân hàng; kiểm tra chứng từ và sổ kế toán; lập biên bản kết luận kiểm tra.

Nội dung cụ thể các bước được thực hiện trong thời gian qua để KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu như sau:

Bước 1: Xác định đối tượng kiểm tra

Để xác định được đối tượng KTSTQ, trước hết CBCC làm công tác KTSTQ phải thường xuyên cập nhật các thông tin từ cơ sở dữ liệu của ngành Hải quan về hoạt động xuất khẩu hàng hóa theo hợp đồng thương mại như:

- Khai thác dữ liệu từ phần mềm hải quan bao gồm:
 - + Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của hải quan
 - + Hệ thống thông tin quản lý tờ khai (Số LIỆU XNK)
 - + Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu giá tính thuế (GTT01,GTT02)
 - + Hệ thống thông tin quản lý rủi ro (QLRR)
 - + Hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ KTSTQ và QLRR (STQ01)
 - + Hệ thống thông tin kế toán thuế (KTT559)
 - + Hệ thống thông tin quản lý vi phạm (Riskman)
 - + Cơ sở dữ liệu về danh mục, biểu thuế, thông tin phân loại hàng hóa đã kiểm tra
- Từ các khâu nghiệp vụ của hải quan như đăng ký tờ khai, giám sát, kiểm tra thực tế hàng hóa, phức tập hồ sơ, hồ sơ tham vấn trị giá tính thuế, kết quả giám định hàng hóa,...
- Từ kết quả của các cuộc KTSTQ trước đó.
- Từ thông tin do Cục KTSTQ cung cấp
- Từ thông tin tự thu thập được,...

Qua các nguồn thông tin thu thập, khai thác qua các nguồn thông tin trên, đối chiếu với thông tin hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp với các chế độ chính sách về thuế, chính sách mặt hàng để lựa chọn có trọng tâm trọng điểm đối tượng nghi vấn để chọn lọc và tiến hành KTSTQ.

Trên thực tế trong giai đoạn đầu, phải vừa kết hợp thông tin từ trong ngành Hải quan vừa phải kết hợp thông tin thu thập từ nhiều nguồn khác nhau như tự khảo sát từ thị trường nội địa về giá bán hàng hóa trong nước hoặc trực

tiếp tham vấn các chuyên gia về chủng loại, mã số hàng hóa để chọn lọc đối tượng có nghi vấn cần phải tiến hành kiểm tra bộ hồ sơ hải quan. Kết thúc bước này, công chức theo dõi xác định đối tượng nghi vấn cần lập danh sách ngắn gọn một số nội dung chủ yếu sau:

- Tên và địa chỉ đầy đủ của doanh nghiệp cần kiểm tra
- Tóm tắt nội dung cần kiểm tra như: nguồn gốc hàng hóa, chính sách mặt hàng, bản chất chủng loại hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá, mã số của hàng hóa.
- Các tờ khai hải quan cần kiểm tra
- Các bằng chứng bước đầu thu thập được
- Dự kiến các nội dung cần kiểm tra

Từ đó tiến hành rút hồ sơ khai báo hải quan của doanh nghiệp đang có nghi vấn như trên từ các Chi cục hải quan thông quan hàng hóa để thực hiện việc nghiên cứu, kiểm tra bộ hồ sơ hải quan.

Bước 2: Kiểm tra bộ hồ sơ hải quan

Sau khi xác định được đối tượng nghi vấn cần phải nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ khai báo hải quan của doanh nghiệp lưu tại Chi cục Hải quan làm thủ tục thông quan hàng hóa, Chi cục KTSQT sẽ phát hành văn bản đề nghị Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan để bàn giao các hồ sơ gốc về Chi cục KTSTQ để nghiên cứu xem xét.

Từ các bộ hồ sơ doanh nghiệp khai báo khi thực hiện thủ tục hải quan để thông quan và xuất khẩu hàng hóa, Lãnh đạo Chi cục KTSTQ sẽ phân công cán bộ đang theo dõi, nghi vấn và/hoặc một số cán bộ có kinh nghiệm chuyên sâu về chủng loại mặt hàng xuất khẩu, có kinh nghiệm về kiểm tra hồ sơ hải quan, hồ sơ kế toán cùng phối hợp nhóm để tiến hành kiểm tra, xem xét các bộ hồ sơ có nghi vấn.

Trước tiên, ở bước này, công chức tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ xuất khẩu đang kiểm tra. Chẳng hạn, khi kiểm tra

các mặt hàng có nguồn gốc khoáng sản thì bộ hồ sơ phải thể hiện đầy đủ tính hợp pháp, hợp lệ và tin cậy của các chứng từ nguồn gốc hàng hóa như: Phải có nguồn gốc về giấy phép khai thác, chế biến sản phẩm có nguồn gốc khoáng sản, phải có các chứng nhận về giám định hàng hóa đủ/ đảm bảo điều kiện được phép xuất khẩu hàng hóa và các chứng từ về hóa đơn mua bán hàng hóa kèm hồ sơ khai báo hải quan.

Từ bước kiểm tra trên, công chức thực hiện kiểm tra bộ hồ sơ khai báo hải quan cần phải có mục tiêu đề giải quyết các nghi vấn của việc kiểm tra hồ sơ hải quan:

Thứ nhất, về nguồn gốc hàng hóa mua bán trong nước hoặc do doanh nghiệp tự chế biến sản xuất có đủ tính hợp pháp hợp lệ về nguồn gốc hay không nếu là mặt hàng thuộc diện quản lý, hạn chế xuất khẩu (thường có yêu cầu về giấy phép khai thác, chế biến như mặt hàng có nguồn gốc khoáng sản)

Thứ hai, có đảm bảo đủ chất lượng để xuất khẩu hay không, chẳng hạn mặt hàng quặng sắt và tinh quặng sắt phải đảm bảo đã qua chế biến, có hàm lượng tinh quặng sắt từ 54% trở lên. Đặc biệt năm 2012, Chính phủ cấm xuất khẩu quặng sắt và tinh quặng sắt trên toàn quốc.

Thứ ba, căn cứ hồ sơ khai báo hải quan thì có nghi vấn doanh nghiệp khai sai mã số hàng hóa để được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp hơn hay không. Chẳng hạn, nếu mặt hàng đá hạt được quay tròn bằng nước hoặc cát thì được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu là 0% (Mã số HS 68029200). Tuy nhiên nếu mặt hàng đá hạt chưa quay tròn mà mới chỉ nghiền sàng thô, sử dụng trong xây dựng, dùng làm trang trí thì có thuế suất thuế xuất khẩu là 14% đến 17% từng thời kỳ (Mã HS 25170000). Với nghi vấn này, thông thường công chức kiểm tra nên tiếp cận thông tin hàng hóa còn trong kho của doanh nghiệp để làm cơ sở và bằng chứng cho nghi vấn để thực hiện các bước tiếp theo.

Thứ tư, căn cứ hồ sơ khai báo hải quan thì có nghi vấn doanh nghiệp khai sai trị giá tính thuế nhằm gian lận số tiền thuế phải nộp hay không. Để đi

sâu về nghi vấn này thông thường công chức kiểm tra cần đối chiếu với các thông tin về trị giá mặt hàng xuất khẩu ở thị trường trong nước kết hợp với đối chiếu thông tin trị giá của các doanh nghiệp khác xuất khẩu cùng mặt hàng giống hệt tương tự có trong cơ sở dữ liệu quản lý giá tính thuế của cơ quan hải quan (GTT01, GTT02) làm cơ sở và bằng chứng cho nghi vấn khai sai trị giá tính thuế của doanh nghiệp.

Thứ năm, có sự sai khác, chênh lệch về số lượng, trị giá, thông tin mô tả hàng hóa giữa các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hay không trên các chứng từ như: nội dung hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), bản kê chi tiết hàng hóa (Packing List), hợp đồng mua bán hàng hóa (Sales Contract /Proforma Invoice), kết quả giám định, Vận tải đơn (B/L) để làm cơ sở bằng chứng bảo vệ cho nghi vấn của việc kiểm tra.

Trong bước kiểm tra này, nếu một trong các cơ sở nghi vấn là rõ ràng hoặc đủ bằng chứng chứng minh doanh nghiệp có vi phạm một trong 5 nội dung nghi vấn ở trên thì công chức/nhóm công chức kiểm tra sẽ tiến hành lập kế hoạch KTSTQ đối với doanh nghiệp và hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp.

Bước 3: Lập kế hoạch KTSTQ

Căn cứ kết quả kiểm tra của công chức/nhóm công chức đã thực hiện ở Bước 2, công chức lập kế hoạch KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc trụ sở doanh nghiệp để tiến hành KTSTQ.

Trường hợp tiến hành kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan, công chức/nhóm công chức lập tờ trình theo mẫu nêu tóm tắt nội dung vụ việc về đề xuất KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan để Lãnh đạo Chi cục KTSTQ phê duyệt kế hoạch kiểm tra.

Trường hợp tiến hành kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp, công chức/nhóm công chức lập kế hoạch KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp với đầy đủ các nội dung:

- Mục đích, yêu cầu của việc KTSTQ: Mục đích chính của việc kiểm tra là nhằm phát hiện Các thủ đoạn gian lận của doanh nghiệp để trốn thuế, tình trạng vi phạm chính sách mặt hàng và kết hợp cả hai thủ đoạn trên.

- Nội dung đã và sẽ tiến hành kiểm tra: cần nêu rõ trình tự kiểm tra, nội dung kiểm tra và phạm vi và phương pháp kiểm tra.

- Phương thức tổ chức thực hiện: bao gồm nhân sự, nhiệm vụ từng thành viên đoàn kiểm tra, thời gian kiểm tra, cơ sở để thực hiện kiểm tra, kết luận và xử lý kết quả kiểm tra

Việc lập kế hoạch kiểm tra cần chi tiết và dự kiến các tình huống có thể phát sinh, phương thức đấu tranh với doanh nghiệp và hướng xử lý giải quyết để đảm bảo kế hoạch KTSTQ được thực hiện hiệu quả. Tránh tình trạng lập kế hoạch và dự kiến sơ sài dẫn đến khi tiến hành kiểm tra bị bất ngờ trước giải trình của doanh nghiệp hoặc phát hiện và nghi vấn nhưng không xác định được bằng chứng dẫn đến không có biện pháp xử lý đối với các vấn đề nghi vấn mới phát sinh.

Bước 4: Khảo sát trước kiểm tra

Đây là một bước quan trọng trong quá trình KTSTQ đặc biệt đối với việc KTSTQ hàng hóa xuất khẩu. Việc khảo sát trước khi kiểm tra thương được Chi cục KTSTQ tổ chức khảo sát thu thập các thông tin, dữ liệu bằng chứng từ các nguồn sau:

Thứ nhất, từ các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp có giao dịch mua bán hàng hóa trong nước cũng như thanh toán quốc tế. Việc khảo sát bao gồm hai hình thức là gửi văn bản xác minh và trực tiếp đến các ngân hàng để trao đổi, thu thập các chứng từ, tài liệu về giao dịch của doanh nghiệp xuất khẩu với các đối tác mua bán hoặc thanh toán quốc tế. Từ thông tin khảo sát, xác minh do ngân hàng cung cấp để đánh giá trị giá hàng hóa doanh nghiệp mua bán trong nước qua đó làm cơ sở dự đoán và xác định trị giá thực trước khi doanh nghiệp xuất khẩu hoặc có thêm công đoạn chế biến, gia công trước

khi xuất khẩu. Đồng thời từ giá mua của doanh nghiệp xuất khẩu để ước đoán chủng loại hàng hóa khi mua và chủng loại hàng hóa khi bán. Chẳng hạn, doanh nghiệp thương mại mua hàng hóa trong nước để xuất khẩu, không qua giai đoạn chế biến thêm, mà thanh toán với giá thấp thì sẽ có nghi vấn là hàng hóa chưa được chế sâu như khai báo để được xuất khẩu (như quặng sắt) hoặc để áp sai mã số hàng hóa và hưởng thuế suất thuế xuất khẩu thấp hơn (như mặt hàng đá hạt).

Thông qua hồ sơ thanh toán quốc tế qua ngân hàng có thể thu thập được các thông tin về chi phí trả trước của người mua, số tiền trả sau người mua và tổng số tiền thanh toán cho hàng hóa có thể cao hơn tổng trị giá khai báo của doanh nghiệp đối với hàng hóa đã xuất khẩu.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc xác minh và khảo sát tại một số ngân hàng thương mại cũng gặp một số khó khăn nhất định. Chẳng hạn, các ngân hàng cố tình kéo dài thời gian cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan, hoặc cố tình không cung cấp các thông tin giao dịch cho cơ quan hải quan. Trong khi đó, thực tế và doanh nghiệp có khai báo với cơ quan hải quan là có các hoạt động giao dịch thương mại trong nước và thanh toán với ngân hàng này. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã có Thông tư hướng dẫn trách nhiệm của Ngân hàng thương mại về việc cung cấp thông tin cho cơ quan thuế, hải quan nhưng việc này vẫn còn tồn tại và xuất hiện tại một số ngân hàng trong quá trình xác minh thông tin để thực hiện KTSTQ.

Thứ hai, xác minh thông tin từ các hãng tàu, đơn vị vận tải. Việc xác minh này rất có giá trị để đối chiếu với thông tin khai báo của chủ hàng/doanh nghiệp xuất khẩu. Thông tin từ các hãng tàu và đơn vị vận tải để đối chiếu với trị giá khai báo của doanh nghiệp về các khoản chi phí phải cộng hoặc trừ trên đơn giá xuất khẩu do doanh nghiệp khai báo. Cước phí vận tải nội địa là chi phí phải cộng trong trị giá tính thuế của hải quan và Chi phí vận tải đường biển của hãng tàu là chi phí phải trừ nếu doanh nghiệp thực hiện

hợp đồng mua bán hàng hóa theo giá CFR/CIF. Qua việc xác minh để đối chiếu và so sánh giá khai báo với các chi phí vận tải để xác định sự bất hợp lý trong khai báo trị giá làm cơ sở đấu tranh với doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp khi khai báo trị giá hàng hóa xuất khẩu là CFR nhưng thực tế lại không mua cước vận tải đường biển nhưng vẫn trừ chi phí này khi khai báo giá tính thuế. Bên cạnh đó, qua xác minh hãng vận tải biển còn nhận ra những bất hợp lý quan trọng như: doanh nghiệp khai báo xuất khẩu mặt hàng đá ốp lát, bó vỉa nhưng khi thuê công ten nơ và đóng hàng, doanh nghiệp lại sử dụng loại Công ten nơ 40 feet thay vì Công ten nơ 20 feet như thông lệ. Mặt hàng đá ốp lát, đá bó vỉa các đặc trưng là đóng vào Công ten nơ 20 feet do có trọng lượng riêng cao, không thể đóng đầy hàng mà chỉ đóng được 10m³ sản phẩm (xấp xỉ 30MT) do điều kiện phải nâng hạ và vận tải ở hầu hết các Cảng biển trên thế giới. Trường hợp này sẽ có nghi vấn được là doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng không đúng như khai báo (thường là đá cảnh tự nhiên có thuế suất thuế xuất khẩu 17%).

Những thông tin khảo sát và xác minh trên sau khi thu thập được là bằng chứng khá vững chắc và hiệu quả để đấu tranh trong quá trình thực hành KTSTQ đối với doanh nghiệp, buộc doanh nghiệp thừa nhận hành vi gian lận của mình khi khai báo và làm thủ tục thông quan hàng hóa.

Bước 5: Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thương mại

Trước khi thực hành KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan hay trụ sở doanh nghiệp thì Chi cục KTSTQ sẽ có văn bản yêu cầu về việc chuẩn bị hồ sơ, chứng từ thương mại để cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra.

Tại bước kiểm tra này, đã thực hiện cơ bản đối với hồ sơ khai báo của doanh nghiệp lưu tại cơ quan hải quan ở Bước 2 nên trước tiên là đối chiếu hồ sơ lưu tại doanh nghiệp có sai khác với hồ sơ khai báo với cơ quan hải quan hay không. Trường hợp có sự sai khác giữa hai hồ sơ hoặc bản thân cả hai hồ sơ đều có sự sai khác, mâu thuẫn giống nhau về các thông tin kiểm tra như

nêu tại Bước 2 thì tiến hành lập các Biên bản ghi nhận các nội dung đã kiểm tra để doanh nghiệp giải trình về sự sai khác bất hợp lý đã phát hiện ngay trên hồ sơ khai báo hải quan và hồ sơ lưu của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, sử dụng các chứng từ thương mại do doanh nghiệp cung cấp, xuất trình bổ sung về các hợp đồng, các giải trình của doanh nghiệp để làm bằng chứng khẳng định ý kiến nghi vấn về sai phạm của doanh nghiệp trong khai báo hải quan.

Nếu một hoặc cả 5 vấn đề hải quan nêu ra, doanh nghiệp thừa nhận một hoặc tất cả vấn đề là có sai phạm thì Đoàn kiểm tra/Nhóm làm việc có thể cân nhắc mức độ rủi ro về sai phạm khác để tiếp tục thực hiện các Bước 6 và Bước 7 hoặc bỏ qua các bước này để Lập biên bản kết luận KTSTQ.

Bước 6: Kiểm tra chứng từ ngân hàng

Như đã trình bày sơ bộ về mục đích xác minh chứng từ ngân hàng ở Bước 4. Việc kiểm tra các chứng từ ngân hàng trước hết để xác định nguồn gốc hàng hóa mua bán trước khi xuất khẩu có đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của nguồn gốc hàng hóa mua bán trong nước hay không. Bên cạnh đó so sánh và đối chiếu trị giá mua bán hàng hóa trong nước để dự đoán các thông tin về hàng hóa, chất lượng, chủng loại hàng hóa.

Ngoài ra, cần chú ý các thông tin về phương thức thanh toán hàng hóa, tổng trị giá thanh toán, điều kiện thanh toán, và các thông tin hàng hóa khác từ các chứng từ ngân hàng. Trường hợp phương thức thanh toán là L/C thì cần chú ý là hợp đồng do ngân hàng nắm giữ thường là hợp đồng thực tế mà người xuất khẩu hàng hóa thực hiện với người nhập khẩu từ đó xác định được bản chất thực tế hàng hóa xuất khẩu cũng như trị giá thực tế hàng hóa của hợp đồng mua bán. Đây là các thông tin, bằng chứng cụ thể để chứng minh với doanh nghiệp trong việc đấu tranh về mã số hàng hóa, trị giá hàng hóa nhằm đảm bảo thu đúng thu đủ tiền thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho NSNN theo quy định hiện hành của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

Bước 7: Kiểm tra chứng từ và sổ sách kế toán

Trong hầu hết cuộc KTSTQ đã thực hiện, có thể đã thực hiện hết các nước từ Bước 1 đến Bước 7 nhưng những nghi vấn về sai phạm của doanh nghiệp vẫn chưa được làm rõ. Doanh nghiệp không thừa nhận các hành vi gian lận về chính sách mặt hàng, về mã số và trị giá hàng hóa thì bước 7 sẽ là bước quan trọng nhất để tìm kiếm và xác định bằng chứng cho nghi vấn sai phạm mà việc KTSTQ đang tiến hành.

Bản chất cơ bản của KTSTQ thực chất là quá trình ứng dụng những kiến thức kiểm toán cơ bản để xét đoán thẩm định tính trung thực hợp lý của các thông tin mà chủ hàng đã khai báo cơ cơ quan hải quan khi thông quan hàng hóa. Để thực hiện và hoàn tất việc KTSTQ đòi hỏi công chức KTSTQ phải có những kiến thức kiểm toán cơ bản để kiểm tra đối chiếu các thông tin được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Các Sổ hạch toán chi tiết, Sổ cái tổng hợp, nhật ký kế toán, Sổ phụ tài khoản phải trả, phải thu với các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu như:

- Giá mua hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào để xuất khẩu
- Các chi phí trực tiếp liên quan đến hàng hóa xuất khẩu: như vận tải, bảo hiểm,...
- Các loại thuế, phí phải nộp như phí môi trường, thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu, thuế GTGT,...
- Hạch toán giá vốn hàng bán xuất khẩu
- Hạch toán doanh thu của hàng hóa
- Hạch toán các khoản nợ phải trả, phải đòi
- Hạch toán chi phí hàng hóa nhập khẩu đối trừ với trị giá hàng hóa xuất khẩu theo phương thức hàng đổi hàng (Barter Trade)

Để thực hiện nhóm việc này đòi hỏi cần phải nắm rõ các quy định của Luật Kế toán cũng như các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài

chính ban hành làm cơ sở thực hành kiểm tra chứng từ sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

Trong quá trình kiểm tra hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp đã thực hiện trong thời gian qua. Nhiều trường hợp phải tiến hành và chứng minh từ việc kiểm tra sổ sách kế toán. Chẳng hạn, doanh nghiệp vừa có hoạt động xuất khẩu hàng hóa với một đối tác nước ngoài, vừa tiến hành nhập máy móc thiết bị của đối tác này. Qua kiểm tra sổ sách kế toán phát hiện không hạch toán các khoản phải trả cho máy móc thiết bị nhập khẩu trên sổ sách kế toán. Qua đấu tranh với doanh nghiệp thì doanh nghiệp giải trình là máy móc thiết bị được cung cấp để sản xuất sản phẩm xuất khẩu với điều kiện là hàng hóa phải “bán rẻ hơn” cho đối tác nước ngoài. Do vậy, khoản trị giá hàng hóa nhập khẩu theo phương thức hàng đổi hàng này sẽ được cộng vào trị giá hàng hóa xuất khẩu để tính tiền thuế.

Trên thực tế hiện nay tại Chi cục KTSQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, số lượng cán bộ có thể thực hành bước 7 để kiểm tra hồ sơ sổ sách và chứng từ kế toán một cách khoa học, bài bản và chuyên sâu chưa cao vì đòi hỏi nhiều kiến thức và kinh nghiệm kiểm tra ở bước này.

Bước 8: Lập biên bản kết luận kiểm tra

Kết luận KTSTQ là bước cuối cùng của việc tổ chức thực hiện KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu. Trước khi thực hiện Kết luận KTSTQ, nhóm công chức kiểm tra/Đoàn kiểm tra STQ phải rà soát kỹ các bằng chứng thu thập được, các vấn đề nghi vấn đã đưa ra, ý kiến giải trình hoặc thừa nhận của doanh nghiệp với chế độ chính sách hiện hành và lập Dự thảo kết luận KTSTQ để doanh nghiệp xem xét lần cuối cùng nhằm thống nhất được nội dung dự kiến kết luận với doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính khách quan, cơ sở pháp lý thuyết phục để tránh suy diễn áp đặt. Khi doanh nghiệp không đồng tình với bản dự thảo kết luận thì phải cân nhắc, bình tĩnh và lắng nghe ý kiến của phía doanh nghiệp. Nếu các thông tin của doanh nghiệp kiến nghị là

có cơ sở thì cần phải xem xét lại một cách khách quan với các bằng chứng xác thực. Nếu các thông tin kiến nghị là không có cơ sở hoặc đã được xử lý từ trước thì cần chứng minh cho doanh nghiệp thấy nguyên nhân, bằng chứng nào dẫn đến kết luận và giữ quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Mẫu kết luận KTSTQ được ban hành bằng văn bản sau khi gửi dự thảo kết luận cho doanh nghiệp trong thời gian 3 ngày làm việc mà doanh nghiệp không có ý kiến phản hồi nào khác thì xem như chấp nhận nội dung dự thảo kết luận mà Đoàn kiểm tra/nhóm công chức kiểm tra đưa ra.

Kết luận KTSTQ được gửi tới doanh nghiệp, Cục KTSTQ - Tổng cục Hải quan và lưu hồ sơ kiểm tra; được cập nhật vào hệ thống thông tin quản lý KTSTQ và QLRR (STQ01).

Bằng việc tổ chức thực hiện KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu thực hiện theo hợp đồng mua bán thương mại với 8 Bước trình bày ở trên thì Chi cục KTSTQ Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành từ năm 2011 đến nay có tập trung chủ yếu KTSTQ đối với 03 trọng tâm cơ bản là:

Thứ nhất, đối với chính sách mặt hàng: Thực hiện KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa thì hầu hết các doanh nghiệp đều có vi phạm về hồ sơ thủ tục chính sách mặt hàng. Tuy nhiên các trường hợp này chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính nên sau khi kiểm tra, trao đổi thông tin với các Chi cục Hải quan nơi thông quan hàng hóa để ngăn ngừa các vi phạm tái diễn và đã có hiệu quả đáng kể trong việc ngăn chặn tái phạm của các doanh nghiệp.

Thứ hai, đối với KTSTQ lĩnh vực trị giá hàng hóa xuất khẩu đã kiểm tra được các mặt hàng chủ yếu sau:

Mặt hàng quặng sắt

Quặng sắt là mặt hàng khoáng sản phổ biến ở tỉnh Thanh Hóa và vùng lân cận như Nghệ An, Ninh Bình, Hòa Bình, Sơn La,... Kể từ năm 2008, mặt hàng quặng sắt được đưa vào biểu thuế xuất khẩu và mỗi năm đều tăng dần về thuế suất, hiện nay là 40%, nên có nhiều phương thức, thủ đoạn của doanh

nghiệp nhằm gian lận về số tiền thuế phải nộp. Tuy nhiên một trong những rủi ro lớn nhất đối với mặt hàng này là trị giá tính thuế của hàng hóa.

Qua kiểm tra các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng quặng sắt trong thời gian vừa qua phát hiện một số nội dung đấu tranh về trị giá tính thuế và ấn định số thuế đối với mặt hàng quặng sắt như sau:

- Doanh nghiệp lập các hợp đồng xuất khẩu khác nhau có nội dung khác nhau trong đó hợp đồng cung cấp cho cơ quan hải quan có trị giá thấp hơn hợp đồng thực tế mà doanh nghiệp xuất khẩu.

- Doanh nghiệp sử dụng phương thức hàng đổi hàng thông qua việc không thanh toán một số hàng hóa là máy móc thiết bị từ nước ngoài để bù trừ vào số tiền thanh toán mua bán quặng sắt với đối tác nước ngoài.

- Doanh nghiệp thông qua các ngân hàng khác nhau để thanh toán cho người xuất khẩu với số tiền chênh lệch khác nhau.

- Doanh nghiệp thông qua ngân hàng mậu biên với Trung Quốc để thế toán tiền hàng xuất khẩu theo hình thức trả trước với số lượng tiền nhất định để trừ lùi nhưng không có biên bản thanh lý hợp đồng và bù trừ tiền hàng với người nhập khẩu.

Với những bằng chứng thu thập được như vậy, trong quá trình KTSTQ, Đoàn kiểm tra đã bác bỏ trị giá tính thuế do doanh nghiệp khai báo và xác định lại trị giá tính thuế theo các phương pháp xác định trị giá quy định về trị giá theo Thông tư 205/2010/TT-BTC và ấn định số tiền thuế xuất khẩu phải nộp bổ sung vào NSNN theo quy định hiện hành. Đã thu đủ tiền thuế, tiền phạt vi phạm hành chính đối với việc khai sai trị giá tính thuế của doanh nghiệp. Tổng số tiền thuế ấn định và xử phạt vi phạm hành chính đối với việc xác định lại trị giá mặt hàng quặng sắt là trên 600 triệu đồng.

Mặt hàng Vôi sống dạng cục

Qua kiểm tra mặt hàng vôi sống dạng cục được xuất khẩu qua Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa nhận thấy một số nội dung về trị giá mà người xuất

khẩu, khai báo hải quan với trị giá thấp nhưng khi kiểm tra hợp đồng cung cấp cho Chi cục KTSTQ thì cung cấp nhiều hợp đồng khác nhau với các phụ lục khác nhau. Tổng trị giá hợp đồng khác với nội dung khai báo hải quan. Doanh nghiệp sử dụng nhiều ngân hàng để thanh toán đồng thời với việc cung cấp các chứng từ thanh toán ngân hàng khác với nội dung của hợp đồng; khác với nội dung thu thập khoản tiền thanh toán thực của khách hàng cho người xuất khẩu. Tuy nhiên khi tiến hành kiểm tra doanh nghiệp tại trụ sở cơ quan hải quan thì doanh nghiệp cung cấp các bản chứng từ sao y về thanh toán qua ngân hàng thì bằng tổng trị giá đã khai báo với cơ quan hải quan. Doanh nghiệp cũng không chấp nhận ý kiến bác bỏ trị giá khai báo và xác định lại trị giá của Chi cục KTSTQ. Chi cục KTSTQ đã thực hiện bước tiếp theo là tiến hành kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp.

Trong quá trình kiểm tra trụ sở của doanh nghiệp, kiểm tra hồ sơ kế toán, Đoàn KTSTQ đã phát hiện các nội dung hạch toán kế toán về các khoản phải thu và các khoản phải trả của doanh nghiệp bất hợp lý. Trong đó, doanh nghiệp hạch toán doanh thu của các tờ khai và theo khách hàng là cao hơn trị giá thực tế đã khai báo hải quan và các chứng từ đã xuất trình.

Ngoài ra, khi kiểm tra chứng từ ngân hàng cũng thể hiện việc hạch toán kế toán về số tiền bán hàng thu về cao hơn số tiền bán hàng đã khai báo và nộp thuế với cơ quan hải quan.

Do vậy, Đoàn KTSTQ đã bác bỏ trị giá tính thuế và ấn định số tiền thuế và phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền trên 250 triệu đồng.

Mặt hàng đá cát kết

Mặt hàng đá cát kết là mặt hàng có thuế suất thuế xuất khẩu cao (17%). Đây là một mặt hàng đặc thù xuất khẩu của một số doanh nghiệp với đối tác nước ngoài Đài Loan.

Qua đấu tranh khai thác và phát hiện nhận thấy, doanh nghiệp thường xuất khẩu cho đối tác nước ngoài với hai hay nhiều loại hàng hóa khác nhau

như mặt hàng nông sản (bột sắn, ớt muối có thuế suất 0%) kết hợp với mặt hàng đá cát kết. Căn cứ hồ sơ thanh toán của doanh nghiệp phát hiện doanh nghiệp thanh toán bù giữa mặt hàng thuế suất 0% với mặt hàng có thuế suất 17%. Theo nguyên lý “giỏ hàng”, doanh nghiệp khai báo trị giá tính thuế với mặt hàng đá cát kết thấp và khai báo mặt hàng nông sản cao hơn nhằm gian lận về trị giá và thuế xuất.

Chi cục KTSTQ đã tiến hành KTSTQ tại trụ sở doanh nghiệp và kiểm tra hồ sơ sổ sách kế toán thì nhận thấy tổng số tiền mà khách hàng đã thanh toán cho người bán bằng tổng trị giá khai báo cả hai mặt hàng xuất khẩu của doanh nghiệp (cùng người mua, cùng người bán). Tuy nhiên, Khi đối chiếu ghi nhận doanh thu mặt hàng ớt muối ghi nhận trên sổ sách kế toán thì thấp hơn trị giá khai báo, còn ghi nhận về mặt hàng đá cát kết thì cao hơn trị giá khai báo hơn 10.000 USD. Do đó, Đoàn kiểm tra STQ tại trụ sở doanh nghiệp đã bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp và ấn định, xử phạt vi phạm hành chính trên 40 triệu đồng, đã nộp vào NSNN.

Thứ ba, đối với KTSTQ về mã số hàng hóa xuất khẩu: Kể từ năm 2008, hàng hóa xuất khẩu đã nhanh về số lượng và chủng loại hàng hóa thuộc diện chịu thuế suất thuế xuất khẩu. Trong đó đặc biệt là các mặt hàng tài nguyên khoáng sản. Chính vì vậy công tác kiểm tra mã số đối với hàng hóa xuất khẩu càng trở nên quan trọng.

Trong các loại mặt hàng cần chú trọng trong kiểm tra mã số hàng hóa tại địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa. Chi cục KTSTQ đã lưu ý KTSTQ đối với một số nhóm mặt hàng sau:

Mặt hàng đá xuất khẩu:

Đá khối, đá tấm

Đây là một mặt hàng xuất khẩu loại hình kinh doanh với số lượng tương đối lớn tại địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa. Kể từ ngày 01/01/2008, các mặt hàng đá khối, đá tấm thuộc diện chịu thuế xuất khẩu.

Cụ thể căn cứ Chú giải bổ sung AHTN 2007 (ban hành tại phụ lục thông tư số 49/2010/TT-BTC) ghi bổ sung chú giải đối với chương 25 (2515.12.10; 2515.12.20; 2516.12.10, 2516.12.20) bao gồm:

Đá khối là một loại đá có một hoặc nhiều mặt chưa được mài nhẵn. Đá mới chỉ được cắt thô thành các hình khối với kích thước thông thường chiều dài từ 250cm đến 290cm, chiều rộng từ 160 cm đến 175cm và chiều cao từ 135cm đến 145cm. Đá được cưa thành từng phiến để sử dụng trong xây dựng. Đá dạng tấm là loại đá cắt thô từ đá phiến thành hình chữ nhật mỏng hơn (bao gồm cả hình vuông). Đá không được mài cả hai mặt và thường có kích thước chiều dài từ 250cm đến 290cm, chiều rộng từ 150cm đến 170cm và chiều dày từ 2 cm đến 2 cm.

Thông qua hoạt động KTSTQ, đối chiếu với quy định hiện hành về áp mã số hàng hóa, đặc biệt các chú giải bổ sung AHTN đã xác định nhiều lô hàng xuất khẩu doanh nghiệp khai báo thuộc chương 6801, 6802. Căn cứ hồ sơ thực tế khi tiến hành KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan thì những mặt hàng do doanh nghiệp khai báo không đủ điều kiện để được áp mã số hàng hóa thuộc chương 68.

Vì vậy tại Chi cục KTSTQ đã xác định lại mã số hàng hóa và tính lại thuế đối với các mặt hàng này đối với một số doanh nghiệp xuất khẩu đá trong năm 2011, 2012. Tổng số tiền thuế xuất khẩu truy thu và ấn định là trên 75 triệu đồng đã nộp vào NSNN.

Đá cát kết

Đá cát kết (sa thạch) là mặt hàng đá được định danh thuộc chương 25.16, tuy nhiên hiện nay có một số doanh nghiệp cũng đang khai báo mặt hàng này thuộc chương 6801, 6802. Vì vậy, Chi cục KTSTQ cũng đang rà soát các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng này để xác định lại mã và ấn định thuế với mặt hàng đá cát kết nêu trên.

Đá cuội, sỏi, đá dăm, đá vỡ thô

Đây là mặt hàng mà có một số doanh nghiệp xuất khẩu dùng trong trang trí hoặc làm cốt bê tông, rải đường.

Đối với mặt hàng này, các doanh nghiệp thường khai báo dưới dạng đá đã vo tròn, xử lý quay mòn bằng cát và nước. Tuy nhiên trên thực tế, mặt hàng xuất khẩu là đá cuội, sỏi, đá dăm, đá vỡ thô.

Thông qua hoạt động kiểm tra thực tế hàng hóa, tại Chi cục Hải quan Cảng Thanh Hóa năm 2011 đã xác định được lô hàng nghi vấn, doanh nghiệp khai báo là Đá dùng để trang trí kích thước 10-20mm và 70-90mm. Công tác kiểm tra thực tế được tiến hành và cán bộ kiểm tra thực tế đã cùng doanh nghiệp lấy mẫu gửi Trung tâm phân tích phân loại hàng hóa.

Kết quả phân tích phân loại đã khẳng định mặt hàng thuộc nhóm hàng hóa 25.17 có mức thuế suất thuế xuất khẩu 17%, đã ấn định số thuế và thu của Doanh nghiệp đối với tờ khai này (TK 1069/XKD/C27F.) Đối với các tờ khai còn lại của doanh nghiệp này và một số doanh nghiệp khác. Chi cục KTSTQ đang rà soát tiếp tục kiểm tra rà soát để áp lại mã số hàng hóa và thu thuế theo quy định hiện hành.

Ngoài ra việc phát hiện và áp mã chính xác đối với các loại đá xuất khẩu đã thông quan này còn căn cứ trên hồ sơ bao gồm Packing List, Commercial Invoice, Hợp đồng xuất khẩu, Chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng,...khi bản chính các chứng từ này mô tả hàng hóa được sử dụng để làm cốt bê tông, làm bê tông nhựa đường,... Đây chính là cơ sở để xác định mã số hàng hóa thuộc nhóm 25.17. Chi cục KTSTQ đã kiểm tra và ấn định số thuế xuất khẩu đối với trường hợp này năm 2012 và đã thu được tổng số tiền thuế xuất khẩu trên 65 triệu đồng, đã nộp vào NSNN theo quy định.

Mặt hàng quặng Crom và tinh quặng Crom

Mặt hàng Quặng Crom và tinh quặng Crom là mặt hàng được khai thác chủ yếu tại Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đối với mặt hàng này, hiện nay chưa

có nhiều doanh nghiệp tiến hành xuất khẩu. Tuy nhiên, qua công tác theo dõi năm tính hình hoạt động doanh nghiệp phục vụ KTSTQ nhận thấy một số doanh nghiệp khai báo mặt hàng này dưới dạng Ferro-Crome thuộc chương 72 là mặt hàng thành phẩm trong nước chưa sản xuất được.

Chính vì vậy đối với mặt hàng dạng này, theo kinh nghiệm cần phải kiểm tra đối chiếu và phân tích phân loại nhằm mục đích đảm bảo xác định đúng mã số hàng hóa và tránh thất thu thuế của NSNN.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA

2.3.1. Những thành công

Mặc dù hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại tại Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa mới được triển khai chưa lâu nhưng cũng đã đạt được một số thành công cơ bản, đó là:

Thứ nhất, đã tổ chức được các cuộc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu thực hiện theo hợp đồng thương mại của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, bao quát được địa bàn và đối tượng kiểm tra.

Thứ hai, đã thu thập và góp phần với Tổng cục Hải quan xây dựng được hệ thống cơ sở thông tin dữ liệu, hướng dẫn thực hiện về việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại cho các doanh nghiệp cụ thể trên địa bàn quản lý.

Thứ ba, đã tổ chức bộ máy quản lý nghiệp vụ, bố trí được lực lượng CBCC, tổ chức đào tạo cơ bản và thực hành đội ngũ CBCC chuyên sâu trong việc theo dõi, KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

Thứ tư, hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu bước đầu có tác dụng nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp xuất khẩu

hàng hóa theo hợp đồng thương mại trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý. Cụ thể, đã giúp các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp đã được KTSTQ, đã nhận thức được việc đơn giản hóa thủ tục thông quan, giảm thiểu kiểm tra trong thông quan để tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuận lợi trong kinh doanh xuất khẩu hàng hóa nhưng đồng thời lại đòi hỏi doanh nghiệp tự ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật về hải quan. Từ đó, ý thức chấp hành pháp luật hải quan của các doanh nghiệp ngày một tốt hơn. Ngoài ra, nhiều sai sót của doanh nghiệp xuất khẩu đã được lực lượng KTSTQ chỉ ra, giúp doanh nghiệp không mắc lại, nhiều chính sách pháp luật doanh nghiệp chưa biết, chưa nắm vững, thông qua KTSTQ doanh nghiệp đã nắm được để tránh vi phạm pháp luật về hải quan do vô ý (như các khoản phải cộng về trị giá của mua bán hàng đổi hàng, chi phí phải cộng của cước xếp dỡ hàng hóa,...). Nhiều vi phạm về hành chính của doanh nghiệp được phát hiện, xử lý theo đúng quy định của pháp luật từ đó phòng ngừa hoạt động gian lận về chính sách mặt hàng của Nhà nước, gian lận về tiền thuế xuất khẩu phải nộp vào NSNN. Đã phát hiện một số vấn đề bất cập của chính sách pháp, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, đồng thời kiến nghị với cơ quan hải quan cấp trên, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung như yêu cầu về giám định Vilas đối với mặt hàng đá ốp lát được Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa đề nghị Tổng cục Hải quan, Bộ Xây dựng xóa bỏ trong hồ sơ xuất khẩu hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu đá ốp lát trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Thứ năm, đã góp phần tích cực chống thất thu thuế, đảm bảo thu đúng thu đủ, đã thực nộp đối với các khoản truy thu, ấn định về thuế xuất khẩu, phạt vi phạm hành chính và nộp vào NSNN với tổng số tiền 1.037,47 tỷ đồng.

**Bảng 2.8: Kết quả KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn
Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa 2011-2014**

ĐVT: Triệu VND

Năm	Tổng số tiền thuế truy thu, án định, phạt vi phạm
2011	117,58
2012	63,2
2013	604,45
2014	252,24
Tổng cộng	1.037,47

Nguồn: Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

2.3.2. Một số hạn chế

Trong thời gian vừa qua, hoạt động KTSTQ trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa có nhiều bước chuyển vượt bậc nói chung, trong đó hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu có bước thay đổi đáng kể. Tuy nhiên vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần phải được hoàn thiện như:

Thứ nhất, về cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Chi cục KTSTQ: Chi cục KTSTQ vẫn chưa có bộ phận chuyên trách (Tổ/Đội) thực hiện chuyên sâu để KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại. CBCC và lãnh đạo thực hiện KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu vẫn còn khá mỏng nói riêng cũng như cả lực lượng KTSTQ của Cục nói chung; khi có nghi vấn phải KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu thì Đoàn kiểm tra/ Nhóm làm việc được tổ chức và tập hợp từ những người có kinh nghiệm về mặt hàng, chủng loại hàng hóa hoặc có kiến thức về kế toán để tham gia việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu. Nhìn chung, số lượng CBCC làm công tác theo dõi, KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu còn thiếu, chưa đáp ứng được khối lượng công việc, còn thiếu về kinh nghiệm, kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu.

Thứ hai, do chế độ chính sách pháp luật đối với quản lý hàng hóa xuất khẩu thường xuyên được thay đổi, đặc biệt là chính sách về mặt hàng và chính sách về thuế suất, do đó, việc kiểm tra theo dõi nắm tình hình đối tượng nộp thuế để xác định thông tin, đối tượng nghi vấn và tiến hành KTSTQ chưa được kịp thời dẫn đến còn nhiều mặt hàng xuất khẩu có nghi vấn chưa được tiến hành KTSTQ một cách kịp thời. Kết cục là chưa thực sự triệt để hạn chế, ngăn ngừa các hành vi gian lận, sai phạm về chính sách mặt hàng, gian lận về thuế xuất khẩu phải nộp NSNN.

Thứ ba, quy trình thủ tục KTSTQ chưa minh bạch và nhất quán gây ảnh hưởng không nhỏ đến khâu thực hiện. Việc thao tác của cán bộ KTSTQ chưa đạt trình độ chuyên nghiệp làm tăng chi phí thời gian của KTSTQ.

2.3.3. Nguyên nhân

Những hạn chế nêu trên là do một số nguyên nhân có cả chủ quan và khách quan như sau:

Các nguyên nhân khách quan:

- Có sự thay đổi lớn, thương xuyên liên tục về chế độ chính sách mặt hàng của các bộ, ngành có liên quan trong việc quản lý hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại hàng năm. Ngay cả chính sách hoạt động về KTSTQ cũng có những thay đổi lớn như tại Thông tư 128/2013/TT-BTC so với các thông tư hướng dẫn về KTSTQ trước đó. Những thay đổi lớn về quy định kiểm tra trị giá tính thuế tại Thông tư số 29/2014/TT-BTC, trong đó giao nhiệm vụ cho lực lượng KTSTQ là có trách nhiệm chính trong việc kiểm tra trị giá hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại. Quy trình KTSTQ của ngành thường xuyên được thay đổi để phù hợp với điều kiện tình hình mới như Luật Hải quan, quy trình thông quan tự động qua hệ thống VNACCS/VCIS,... hệ thống phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu cũng liên tục được cập nhật thay đổi chưa được hoàn thiện cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Việc triển khai thực hiện dự án VNACCS/VCIS từ ngày 01/4/2014 mà chưa có dữ liệu bảo đảm và tập huấn chi tiết dẫn đến nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc thu thập, phân tích thông tin làm cơ sở để tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Các quy định nghiệp vụ của ngành Hải quan và Bộ Tài chính còn nhiều bất cập.

- Chế độ chính sách đặc thù của Nhà nước dành cho CBCC thực hiện KTSTQ nói chung còn hạn chế nên chưa thu hút được CBCC có kinh nghiệm, có kiến thức chuyên sâu, đầu tư công sức, trí tuệ miệt mài với công tác KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu. Chế độ thưởng cho đội ngũ CBCC làm công tác KTSTQ còn chưa tương xứng với trách nhiệm, nhiệm vụ phải thực hiện (chẳng hạn, lực lượng Kiểm toán được trích thưởng theo 2% số thu nộp NSNN, trong khi lực lượng KTSTQ đề xuất khoản trích thưởng 2% số thu nộp NSNN nhưng chưa được thông quan).

- Trang thiết bị nghiệp vụ, điều kiện làm việc của lực lượng KTSTQ nói chung còn rất thiếu, đặc biệt về phương tiện và kinh phí nghiệp vụ.

- Khó khăn trong thu thập thông tin từ doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. Hoạt động xác minh thông tin từ một số đơn vị trong và ngoài ngành còn gặp nhiều khó khăn như việc không hợp tác, cung cấp thông tin có liên quan đến việc kiểm tra STQ đối với hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp như Ngân hàng, Hãng vận tải, Đơn vị giám định,...

Các nguyên nhân chủ quan

- Thứ nhất, với quy mô kiểm tra lớn, đội ngũ CBCC thực hiện KTSTQ vừa thiếu vừa yếu. Việc bố trí, sắp xếp CBCC làm công tác KTSTQ, đặc biệt là KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu chưa tương xứng với khối lượng công việc, nhiệm vụ thu thập phân tích thông tin, đối tượng nghi vấn cần theo dõi, tiến hành KTSTQ.

- Thứ hai, một bộ phận CBCC thuộc lực lượng KTSTQ chưa coi trọng việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng kinh doanh thương

mại vì coi đây là mặt hàng ưu tiên xuất khẩu, đem về ngoại tệ cho đất nước nên họ cho rằng cần giảm thiểu kiểm tra. Trong khi đó, hàng xuất khẩu nguyên liệu thô lại làm giảm nguồn nguyên liệu, tài nguyên có hạn mà Nhà nước muốn quản lý, hạn chế xuất khẩu thông qua việc quản lý chặt chẽ chính sách mặt hàng và hạn chế xuất khẩu bằng thuế suất cao.

- Thứ ba, một số CBCC còn ngại va chạm, có tâm lý làm việc cầm chừng, trông chờ vào việc luân chuyển cán bộ đến địa bàn, đơn vị có mức thu hút cao nghề nghiệp cao, do vậy không chú tâm thực hiện theo dõi KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Thứ tư, trình độ của CBCC mặc dù đã liên tục được đào tạo, cập nhật các kiến thức, kỹ năng về KTSTQ nhưng cơ bản vẫn chưa đồng đều. Khả năng nghiên cứu xử lý thông tin, tổng hợp thông tin, xác định đối tượng kiểm tra còn yếu vì có nhiều mặt hàng xuất khẩu liên quan đến nhiều bộ ngành khác nhau. Kinh nghiệm của cán bộ còn hạn chế, chưa chuyên nghiệp nên gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề thì không có ý kiến rõ ràng dẫn đến việc kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra bị gặp khó khăn trong chính nội bộ Đoàn kiểm tra/ Nhóm làm việc. Đội ngũ CBCC làm việc ở khâu KTSTQ đa số còn trẻ, có kiến thức, trình độ, nhưng kinh nghiệm và nghiệp vụ chuyên môn chưa sâu vì đòi hỏi nhiều kiến thức tổng hợp để thực hiện việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu như: kiến thức kinh nghiệm về kế toán - kiểm toán, về buôn bán kinh doanh xuất khẩu hàng hóa với nước ngoài, về chế độ chính sách và quy định của pháp luật,... Trong khi đó, theo yêu cầu luân chuyển cán bộ thường xuyên của ngành thì một CBCC, kể cả ở khâu KTSTQ cũng không quá 5 năm làm việc ở một nơi, thông thường chỉ là 3 năm. Sự biến động cán bộ như vậy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng KTSTQ ở Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA

3.1. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG VÀ QUAN ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA

3.1.1. Triển vọng về phát triển xuất khẩu trên địa bàn do Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý

Triển vọng về phát triển xuất khẩu hàng hóa theo hợp đồng thương mại trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới chắc chắn sẽ có nhiều thuận lợi:

Thứ nhất, tình hình phát triển kinh tế của các địa phương thuộc địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa quản lý bao gồm các tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Nam Định, tỉnh Hà Nam đều có kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI sẽ tăng mạnh.

Thứ hai, các chính sách khuyến khích xuất khẩu của Nhà nước sẽ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu theo mục tiêu trên dưới 10%/ năm sẽ có hiệu lực mạnh ở các địa phương do Cục quản lý.

Thứ ba, việc triển khai hệ thống khai hải quan điện tử tự động VNACCS/VCIS của ngành Hải quan dẫn đến thủ tục thông quan hàng hóa thuận lợi giúp doanh nghiệp giảm chi phí, tiết kiệm thời gian trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài.

Thứ tư, nhiều mặt hàng của các doanh nghiệp trên địa bàn trong tương lai gần sẽ tăng lợi thế cạnh tranh với các nước trên thị trường quốc tế do chi phí sản xuất và thủ tục hành chính giảm. Đặc biệt là một số hàng hóa có nguồn gốc từ tài nguyên khoáng sản như bột đá, vôi sống sản xuất công nghiệp, các sản phẩm về đá và khoáng sản quặng kim loại đã qua chế biến; các mặt hàng như may mặc, sản phẩm từ rừng trồng như dăm gỗ, gỗ nguyên

liệu,... nông lâm thủy hải sản,... Triển vọng tăng xuất khẩu những mặt hàng này trên địa bàn rất sáng sủa.

Thứ năm, nền kinh tế của thế giới có dấu hiệu phục hồi sau cuộc khủng hoảng tài chính kéo dài sẽ góp phần gia tăng nhu cầu hàng hóa và phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa nói riêng tiếp tục thu hút nguồn lực và đầu tư vào sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại ra nước ngoài sẽ góp phần tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cũng như đóng góp số thu thuế xuất khẩu trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

Tuy nhiên, với số lượng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu hàng hóa theo hợp đồng thương mại ngày càng tăng, số lượng mặt hàng thuộc diện quản lý chế độ chính sách của Nhà nước cũng ngày một tăng lên đặt ra những khó khăn không nhỏ đối với hoạt động quản lý, giám sát các mặt hàng xuất khẩu theo hợp đồng thương mại cũng tăng lên. Mức độ rủi ro trong hoạt động quản lý giám sát hàng hóa xuất khẩu thuộc diện hạn chế xuất khẩu và có thuế suất cũng tăng theo. Điều đó đòi hỏi Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, cụ thể là lực lượng KTSTQ cần xác định các mục tiêu và phương hướng cụ thể để tăng cường hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa trong thời gian tới để phù hợp với tình hình thực tế.

3.1.2. Mục tiêu và quan điểm đối với hoạt động kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa

- Mục tiêu:

Thứ nhất, KTSTQ đối với hàng hóa XNK nói chung và hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại nói riêng phải trở thành phương thức trụ cột trong quản lý của hải quan. Muốn thực hiện việc quản lý hải quan đảm bảo hiệu quả thì phải xác định mục tiêu tăng cường KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là con đường tất yếu.

Thứ hai, mục tiêu tăng cường hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu phải xác định là khâu quan trọng để đảm bảo hiệu quả cho cải cách thủ tục hành chính bằng phương thức thông quan tự động VNACCS/VCIS đang được triển khai tại khâu thông quan thành công.

Thứ ba, KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu phải đánh giá được mức độ tuân thủ của từng doanh nghiệp để làm cơ sở cho việc áp dụng mức độ quản lý phù hợp, tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đồng thời đảm bảo sự quản lý có hiệu quả và hiệu lực của cơ quan hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

Thứ tư, KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu phải phát hiện kịp thời những bất cập, sơ hở của chính sách, pháp luật nhà nước, biện pháp QLNN của ngành và của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa từ đó đề xuất hoặc kiến nghị với các đơn vị có liên quan, các cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý các bất cập và sơ hở của pháp luật trong QLNN để đảm bảo tốt vai trò quản lý của hải quan trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

- Quan điểm

Để đáp ứng các mục tiêu đề ra như trên, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa cần xác định các quan điểm tăng cường hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần xác định quyết tâm về chính trị của cán bộ, công chức hải quan đặc biệt là các cấp lãnh đạo làm công tác KTSTQ thuộc Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa không được xem nhẹ hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại. Quyết tâm chính trị này phải được thể hiện ở việc xây dựng kế hoạch KTSTQ hàng năm của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa về số lượng cuộc KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan và tại trụ sở doanh nghiệp. Chẳng hạn năm 2014, trong kế hoạch KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa không đề cập đến hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu nhưng đã tiến hành được 01 cuộc KTSTQ, truy thu ấn định và xử

phạt với tổng số tiền là trên 250 triệu đồng. Trong thời gian tới cần phát huy kinh nghiệm này và coi trọng hơn nữa KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu.

Thứ hai, cần rà soát lại các khâu nghiệp vụ trước, trong và sau thông quan để xác định thời điểm thực hiện KTSTQ nhằm đảm bảo không có sự trùng lặp của các khâu, với chi phí thấp nhất, thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Thực tiễn hiện nay trong công tác quản lý của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa còn một số bất cập. Việc hoàn chỉnh quy trình nghiệp vụ là khâu trung tâm của công tác cải cách hành chính áp dụng cho KTSTQ, cũng là trọng điểm để nâng cao hiệu quả công tác này trên thực tiễn. Trước yêu cầu về cải cách, GTGT hải quan, tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa nói riêng thì những vấn đề như vậy cần được rà soát lại, nghiên cứu, xử lý. Nguyên tắc tự khai, tự tính thuế, tự chịu trách nhiệm, cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro, KTSTQ đã được quy định rõ, là điều kiện tiên đề cho việc xử lý các vấn đề về thủ tục phải được triệt để thi hành.

Thứ ba, cần tăng cường hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu QLNN trong điều kiện cải cách thủ tục hành chính công mạnh mẽ, áp dụng rộng rãi các thủ tục và dịch vụ hành chính công điện tử như khai báo và thông quan điện tử; đẩy mạnh kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực tự tuân thủ pháp luật; tiếp tục tăng cường kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp nhằm phát hiện kịp thời các sai sót và hành vi gian lận thuế, trốn thuế của doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa theo hợp đồng mua bán với nước ngoài. Trong thời gian tới, hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn sẽ tăng mạnh, quy mô KTSTQ cũng tăng cả về quy mô và đổi mới về quy trình nghiệp vụ, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa cần coi trọng công tác này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác của Cục, đồng thời nâng cao hiệu quả QLNN về hải quan. Kết quả sẽ góp phần tạo niềm tin cho các doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh cho các địa phương.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TỈNH THANH HÓA

3.2.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy

Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa cần tiếp tục tăng cường khâu KTSTQ, do đó cần tăng biên chế thêm cho Chi cục KTSTQ theo định hướng chung của toàn ngành là đạt 15% biên chế toàn Cục Hải quan tỉnh cho Chi cục KTSTQ vào năm 2015. Việc tăng cường lực lượng là để đảm bảo cho các nghiệp vụ được tiến hành đúng bài bản, trọng tâm là các khâu như thu thập, phân tích thông tin và KTSTQ được tiến hành kịp thời, đáp ứng nhu cầu quản lý chung và nhiệm vụ KTSTQ đặc biệt là KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu.

Ngoài việc tăng cường biên chế cho Chi cục KTSTQ, Cục Hải quan tỉnh cũng cần sớm cơ cấu lại theo hướng hoàn thiện Chi cục KTSTQ với các tổ/đội nghiệp vụ chuyên sâu về hàng hóa xuất khẩu, về trị giá tính thuế, về mã số hàng hóa,... để thực hiện việc thu thập, theo dõi và KTSTQ có tính chất chuyên sâu, chuyên nghiệp nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu đồng thời giảm thiểu chi phí hành chính thấp nhất cho doanh nghiệp.

Các tổ/đội nghiệp vụ được biên chế đủ quân số có nghiệp vụ được bố trí ở các đơn vị kiểm tra hải quan (Trụ sở chính và các chi cục) phải được quản lý thống nhất về nhiệm vụ làm việc, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng làm việc. Do vậy, chức năng kiểm tra nghiệp vụ nội bộ của Chi cục KTSTQ phải được tăng cường hơn.

3.2.2. Nhóm giải pháp tăng cường nghiệp vụ quản lý kiểm tra sau thông quan

Nhóm này bao gồm hai giải pháp trọng điểm sau:

- *Giải pháp thứ nhất, làm đúng quy trình và nâng cao chất lượng kiểm tra mã số hàng hóa các mặt hàng xuất khẩu loại hình kinh doanh.*

Đối với hàng hóa xuất khẩu loại hình kinh doanh với đặc thù là hàng hóa được xuất khẩu ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, khi thực hiện KTSTQ, không

còn hàng hóa ở trong nước để có thể trung cầu giám định và xem xét qua chuyên gia phân tích phân loại hàng hóa mà chủ yếu là kiểm tra hồ sơ sổ sách cũng như khai báo hải quan. Vì vậy công tác kiểm tra mã số hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu luôn là hoạt động khó khăn và phức tạp để đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đúng Luật Thuế XNK, đấu tranh với các hình thức gian lận, được sự phối kết hợp của doanh nghiệp trong việc áp lại mã số hàng hóa. Chính vì vậy cần phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ, thường xuyên liên tục cập nhật số liệu hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp thông qua phần mềm hải quan VNACCS/VCIS để đối chiếu theo dõi về nộp thuế theo mã hàng xuất khẩu của doanh nghiệp, từ đó củng cố hồ sơ, thu thập các hợp đồng của doanh nghiệp từ ngân hàng, nhà cung cấp trong nước làm cơ sở đấu tranh với các mặt hàng trọng điểm có nghi ngờ gian lận về mã số hàng hóa. Nghiệp vụ định danh mã số hàng hóa phải được tiến hành chính xác, tỷ mỉ và chế độ lưu trữ thông tin bảo đảm cho công tác KTSTQ có căn cứ xác đáng.

- Giải pháp thứ hai, thực hiện tính đúng trong kiểm tra trị giá hàng hóa xuất khẩu.

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, trước hết phải nắm vững quy định của pháp luật về trị giá tính thuế và tiếp cận các kỹ thuật nghiệp vụ đấu tranh về trị giá hải quan với doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp. Trị giá tính thuế được tính trên cơ sở số lượng hàng hóa thực xuất và giá bán hàng hóa, trong đó giá bán hàng hóa được tính trên cơ sở giá giao dịch thực theo nguyên tắc thị trường. Việc xác định giá phải vừa bảo đảm tôn trọng giá giao dịch thực vừa chống được các hành vi gian lận, trốn thuế, chuyển giá. Muốn vậy, cần phải nắm vững các quy định hiện hành như Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 của Chính phủ Quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Nghị định số

40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 của Chính phủ; Thông tư số 29/2014/TT-BTC ngày 26/02/2014 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính; Quy trình KTSTQ 3550. Đặc biệt các kỹ thuật về đấu tranh xác định lại trị giá tính thuế như hướng dẫn tại Sổ tay trị giá hải quan của WCO. Các kinh nghiệm được truyền đạt chuyên sâu tại các khóa tập huấn về trị giá tính thuế do các chuyên gia có kinh nghiệm trong nước và quốc tế chia sẻ phải được tiếp thu và vận dụng chuyên nghiệp vào các ngành hàng mà Cục quản lý.

Bên cạnh đó cần chú trọng và tích cực công tác theo dõi nắm tình hình về số lượng, trị giá tính thuế đối với các mặt hàng xuất khẩu có thuế suất cao làm thủ tục hải quan trên địa bàn Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa để kịp thời phát hiện các trường hợp có gian lận về trị giá tính thuế.

3.2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực, đạo đức cán bộ ngành hải quan làm công tác kiểm tra sau thông quan

Đến nay, đội ngũ cán bộ làm công tác KTSTQ ở Cục Hải quan Thanh Hóa đã được tăng cường về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khá vững. Cơ cấu cán bộ ngày càng hợp lý; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ làm công tác tăng khá, đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có phẩm chất đạo đức, có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên, như trên đã phân tích, đội ngũ còn bộc lộ một số hạn chế như tuy đã được nâng cao về lượng nhưng chưa đáp ứng về chất, xét theo từng mặt thì chất lượng không đều, vẫn còn bất cập so với yêu cầu; số cán bộ trẻ tuy được đào tạo cơ bản nhưng chưa có kinh nghiệm, thái độ phấn đấu về nghề nghiệp chưa cao, chưa chịu khó học hỏi kinh nghiệm thực tiễn hoặc chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, thiếu chủ động nghiên cứu tham mưu, đề xuất. Do đó:

- Cần phải chú trọng và có kế hoạch, chương trình cụ thể về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vì đây là tiền đề (trong nhiều trường hợp là điều kiện tiên quyết) để bố trí, sử dụng cán bộ cho các chức danh, vị trí công tác

phù hợp. Cần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bằng nhiều hình thức để giúp cán bộ có đủ những tiêu chuẩn về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Việc đào tạo trước hết phải tận dụng các khóa đào tạo của ngành trong các đợt tập huấn, trao đổi kinh nghiệm. Cần cử đúng người, đúng số lượng tham gia các khóa đào tạo và có biện pháp khích lệ, khuyến khích người tham gia các khóa đào tạo, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát kết quả thực tế sau đào tạo. Về đào tạo chuyên sâu: Cục Hải quan tỉnh cần thường xuyên cử cán bộ học tập, nghiên cứu các kiến thức chuyên chung về KTSTQ tại Trường Hải quan Việt Nam. CBCC thuộc Chi cục KTSTQ cần tích cực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu, kỹ năng và kinh nghiệm do Cục KTSTQ phối hợp với các chuyên gia nước ngoài trong quá trình hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về KTSTQ đối. Bên cạnh đó, Cục Hải quan tỉnh cần chú trọng chủ động luân chuyển các cán bộ có năng lực về Chi cục KTSTQ để được chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng đặc thù về hàng hóa xuất khẩu và đặc điểm xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý nhằm có sự kế thừa các kinh nghiệm đã có của cán bộ có kinh nghiệm ngay trong Chi cục KTSTQ.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả đào tạo tại chỗ cho những CBCC chưa có đủ kiến thức, kinh nghiệm hoặc không có điều kiện tham gia các khóa tập huấn của ngành. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch hoặc đang đương chức nhưng chưa đáp ứng về yêu cầu bằng cấp, cần có kế hoạch và chính sách để đưa đi đào tạo bài bản tập trung hoặc không tập trung về nghiệp vụ. Cục cần hoàn thiện chế độ, chính sách cho các đối tượng này.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ nhằm thu hút cán bộ có kinh nghiệm, có năng lực tốt tại các Chi cục hải quan cửa khẩu về làm công tác KTSTQ để đạt được yêu cầu về nhiệm vụ chính trị của Cục cũng như thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện hoàn thiện hệ thống quan tự động VNACCS/VCIS.

- Cần phải xây dựng và tổ chức các bộ phận chuyên sâu về trị giá hải quan và mã số hàng hóa tại Chi cục, đồng thời đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu

cho đội ngũ CBCC ở các bộ phận này để làm tốt công tác theo dõi, cập nhật nắm tình hình nhằm phục vụ tăng cường hiệu quả đối với công tác KTSTQ về trị giá và mã số. Chi cục KTSTQ phải đủ và sử dụng hiệu quả các CBCC chuyên nghiệp: Công chức KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn sâu, phải có kinh nghiệm tích lũy qua thực hành KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu. Việc luân chuyển CBCC làm công tác KTSTQ phải kết hợp với yêu cầu sử dụng cán bộ chuyên nghiệp; tăng cường CBCC có trình độ, năng lực KTSTQ đối với các mặt hàng xuất khẩu trọng điểm, Chỉ luân chuyển đến Chi cục KTSTQ những công chức được đào tạo chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ KTSTQ, có nghiệp vụ sâu về trị giá, mã số hàng hóa, kế toán thuế, chính sách thương mại,...

- Nâng cao đạo đức cán bộ hải quan: Để đảm bảo cán bộ hải quan thực hành KTSTQ luôn giữ được tính liêm chính, cần tăng cường giáo dục ý thức, đạo đức nghề nghiệp của CBCC ngành Hải quan, đồng thời sớm áp dụng các chế độ đãi ngộ phù hợp cho CBCC lĩnh vực KTSTQ để thu hút cán bộ giỏi, động viên cán bộ làm công tác KTSTQ yên tâm công tác lâu dài, giữ được trong sạch liêm chính.

Về các biện pháp cụ thể, trước hết cần đảm bảo: áp dụng đầy đủ, tối đa các chế độ đãi ngộ hiện hành của Nhà nước cho CBCC lĩnh vực KTSTQ. Trong quản lý nghiệp vụ, cán bộ quản lý các bộ phận liên quan cần thực hiện bù đắp đầy đủ các chi phí mà cá nhân công chức thực hiện KTSTQ phải bỏ ra khi thực hiện nhiệm vụ như chi phí đi lại để kiểm tra, chi phí xác minh, chi phí thu thập thông tin... Ngoài ra, cần áp dụng chế độ phụ cấp thêm cho công chức KTSTQ như đã áp dụng với công chức làm công tác đặc thù khác.

- Về lâu dài: Để giảm chi phí cho ngân sách, nâng cao ý thức trách nhiệm đạo đức của công chức hải quan trong việc giữ gìn uy tín và liêm chính cho ngành đồng thời nâng cao được hiệu quả KTSTQ thì cần sớm đề nghị các

cấp có thẩm quyền: áp dụng chế độ trích thưởng từ số tiền thuế truy thu, ấn định thu được cho lực lượng KTSTQ để chi thưởng hàng năm cho tập thể và cá nhân. Áp dụng chế độ trích một tỷ lệ nhất định số tiền thuế truy thu (như lực lượng kiểm toán là 2%) để bổ sung điều kiện, phương tiện làm việc cho công chức KTSTQ.

- Cần thường xuyên rèn luyện giáo dục ý thức và trách nhiệm chính trị, đạo đức nghề nghiệp tới từng CBCC thuộc lực lượng KTSTQ để đảm bảo đội ngũ này chấp hành nghiêm chỉnh quy định về đạo đức CBCC của ngành, không gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình thực hành công vụ, nhiệm vụ được giao. Trong đó phải luôn thực hiện đúng các Quy tắc ứng xử của Công chức, viên chức, người hợp đồng lao động ngành Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 557/QĐ-TCHQ ngày 18/02/2013 của Tổng cục Hải quan.

3.2.4. Chú trọng công tác tuyên truyền pháp luật về hoạt động kiểm tra sau thông quan cho các đối tượng kiểm tra

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật hải quan và các pháp luật khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa theo hợp đồng thương mại cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động XNK để thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật là hết sức cần thiết.

Việc tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về KTSTQ nói chung và pháp luật về KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu nói riêng cho các doanh nghiệp và các cơ quan phối hợp có tác dụng nhiều mặt. Phải nhấn mạnh hoạt động KTSTQ là hoạt động nghiệp vụ then chốt, là phương pháp kiểm soát hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển nhưng trên thực tế khi tiến hành các hoạt động KTSTQ tại doanh nghiệp thường bị doanh nghiệp bất hợp tác, phản ứng không tích cực, đặc biệt trong trường hợp số thuế phải truy thu lớn. Do đó, công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật và chấp hành pháp luật về KTSTQ rất quan trọng. Khi doanh

nghiệp nắm được nhiệm vụ, yêu cầu của hoạt động KTSTQ sẽ tự nguyện hợp tác và chấp hành các yêu cầu của lực lượng KTSTQ khi tiến hành KTSTQ đối với doanh nghiệp mình. Việc tuyên truyền tốt sẽ giúp tránh các hậu quả về truy thu ấn định thuế và xử phạt có thể tiếp diễn, doanh nghiệp sẽ nhận thức trách nhiệm chấp hành và nghiên cứu chính sách pháp luật về Hải quan, từ đó nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật Hải quan sẽ giảm bớt rủi ro và khối lượng công việc mà hoạt động KTSTQ phải thực hiện trong tương lai. Đối với các doanh nghiệp đã bị truy thu, ấn định thuế và xử phạt vi phạm qua KTSTQ sẽ thấy rõ hậu quả phải gánh chịu, từ đó nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật đồng thời giúp doanh nghiệp nhận biết được những sai sót trong công tác khai báo và thực hiện pháp luật Hải quan. Điều này sẽ làm tăng hiệu quả công tác đánh giá tuân thủ của lực lượng KTSTQ trong tương lai.

Hiện tại đã tổ chức được các hình thức tuyên truyền pháp luật về hải quan như: Đối thoại doanh nghiệp hàng năm, trả lời văn bản yêu cầu của doanh nghiệp, hỗ trợ người khai hải quan về thông tin cần thiết khi làm thủ tục hải quan,... Tuy nhiên, hoạt động phổ biến các nội dung liên quan đến KTSTQ, đặc biệt là KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là chưa nhiều. Vì vậy, cần thiết có các hoạt động tuyên truyền cụ thể hơn nữa để phổ biến pháp luật về hải quan trong đó có hoạt động KTSTQ và KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu. Các hình thức tuyên truyền cần đa dạng, phong phú, hiệu quả cao. Đó là các hình thức như phát hành tờ rơi để tại các Chi cục hải quan nơi làm thủ tục thông quan hàng hóa, phổ biến các thông tin trên các Website của đơn vị, hội nghị tập huấn cho các đơn vị... Các hình thức tuyên truyền phải đạt mục tiêu giúp doanh nghiệp có thái độ đúng, cách hiểu đúng về việc KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, các quy định về KTSTQ nói riêng cũng như pháp luật hải quan nói chung để họ chủ động và tích cực hợp tác với hải quan, tránh những vướng mắc, bức xúc hoặc hành vi bất hợp tác từ phía doanh nghiệp.

Mặt khác, thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan và KTSTQ, cơ quan hải quan cũng có điều kiện để tiếp thu ý kiến của doanh nghiệp, rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh những vấn đề tồn tại về cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động KTSTQ để cải tiến phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn.

3.3. GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ VỚI CÁC CƠ QUAN CẤP TRÊN

Đây là giải pháp kiến nghị với các cơ quan Nhà nước cấp trên nhưng có vai trò rất quan trọng nhằm mục tiêu bảo đảm tính minh bạch và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về KTSTQ và các văn bản có liên quan. Tính minh bạch của văn bản pháp quy thể hiện ở hai phương diện: khả năng áp dụng trực tiếp điều khoản quy định vào thực tế và tính liên thông giữa các văn bản pháp luật có liên quan.

3.3.1. Kiến nghị sửa đổi hệ thống pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến kiểm tra sau thông quan

Đối với hệ thống văn bản pháp luật, đặc biệt là Luật Hải quan, Luật Thuế XNK và văn bản dưới luật hướng dẫn về KTSTQ, Nhà nước cần hoàn thiện theo các kiến nghị sau:

- Giảm thiểu số lượng văn bản hướng dẫn, tiến đến khả năng trực tiếp áp dụng điều luật vào công tác KTSTQ. Điều này sẽ giúp người khai hải quan và cán bộ hải quan không phải dẫn chiếu đến nhiều văn bản ở nhiều cấp khác nhau. Ngược lại, điều này cũng dẫn đến một thực tế là các điều khoản Luật phải rất chi tiết, cụ thể. Nghĩa là cần phải đưa các quy định KTSTQ hiện nay quy định quá nhiều ở các văn bản dưới luật như Nghị định, Thông tư vào các điều khoản của Luật Hải quan.

- Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan cần tổ chức rà soát lại toàn bộ hệ thống văn bản có liên quan đến KTSTQ, cụ thể là hệ thống văn bản hướng dẫn áp dụng trong nội bộ ngành Hải quan về KTSTQ để thực hiện chỉnh sửa,

bổ sung phù hợp với mục tiêu phản ánh được bức tranh toàn cảnh về hệ thống quản lý trên cơ sở KTSTQ.

- Trong các điều khoản Luật và văn bản hướng dẫn, cần có sự dẫn chiếu giữa các văn bản với nhau để tạo ra sự thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau giữa các văn bản quy định. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn, phải quy định rõ phải tuân thủ quy định nào và bãi bỏ hiệu lực quy định nào.

- Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng phải phù hợp với các chuẩn mực của WCO và các thông lệ quốc tế, trước mắt phải phản ánh được các cam kết và nghĩa vụ của Việt Nam khi đã là thành viên WTO, WCO và với tư cách là thành viên của các tổ chức kinh tế khu vực như ASEAN, APEC.

- Đối với Nghị định hướng dẫn Luật Hải quan 2014 cần chi tiết các nội dung về KTSTQ theo hướng chuẩn hoá và bổ sung các quy định về KTSTQ bảo đảm kiểm soát hiệu quả phương thức quản lý hải quan hiện đại.

- Đối với Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu cần quy định cụ thể, chi tiết các phương pháp xác định trị giá hải quan. Đặc biệt, cần giải thích hết sức rõ ràng về các khái niệm sử dụng trong xác định trị giá. Ví dụ như: khoản bảo đảm, các khoản điều chỉnh, các khoản trợ giúp,... Vì hệ thống quản lý trị giá hải quan theo Hiệp định xác định trị giá hải quan của WTO là một hệ thống hoàn toàn mới với nhiều thuật ngữ mới. Do vậy, để nắm bắt, am hiểu và vận hành được hệ thống một cách chuẩn xác thì rõ ràng là những thuật ngữ mới cần được giải thích đầy đủ, mà bảo đảm nhất là được giải thích trong những điều khoản của văn bản luật.

- Đối với Luật Quản lý thuế: Bổ sung quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý thuế theo hướng kéo dài thời hạn doanh nghiệp được khai bổ sung từ 60 ngày như hiện nay lên 365 ngày. Quy định này cũng phù hợp với quy định về báo cáo sổ sách, chứng từ kế toán thuế định kỳ 1 năm của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội khai bổ sung.

- Đối với các văn bản cấp thông tư hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ của ngành Hải quan trong KTSTQ, các văn bản hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ của ngành Hải quan cần phải đảm bảo yêu cầu cụ thể, chi tiết đến từng bước công việc mà công chức hải quan phải thực hiện khi tiến hành KTSTQ tại cơ quan Hải quan hay tại doanh nghiệp. Văn bản phải đơn giản, dễ hiểu để mọi công chức trực tiếp áp dụng đều hiểu theo một cách thức như nhau và áp dụng theo một quy trình, trật tự nhất định.

Ví dụ: về quy định xác định trị giá tính thuế tại một số văn bản còn có sự không đồng nhất với nhau. Ví dụ, Khoản 7 Điều 1, Thông tư số 29/2014/TT-BTC ngày 26/2/2014 quy định về việc kiểm tra trị giá tính thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan quy định: cơ quan hải quan bác bỏ trị giá tính thuế nếu quá thời hạn yêu cầu mà doanh nghiệp không cung cấp được hoặc cung cấp không đầy đủ các hồ sơ, chứng từ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Trong khi đó tại quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 3550/QĐ-TCHQ ngày 01/11/2013 theo mẫu thông báo số 04/2013-KTSTQ trong thời gian 03 ngày kể từ ngày ký thông báo cho doanh nghiệp về việc KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan thì thời gian để cung cấp hồ sơ, chứng từ tài liệu là 60 ngày kể từ ngày thông báo. Việc doanh nghiệp có nhận được thông báo của cơ quan hải quan hay không hoặc nhận được lúc nào để chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của thông báo thì cơ quan hải quan không nắm được. Trong trường hợp doanh nghiệp không nhận được thông báo của cơ quan hải quan mà cơ quan hải quan bác bỏ trị giá tính thuế và xác định lại thì sẽ gây bức xúc cho doanh nghiệp. Do đó cần thống nhất ngay 2 văn bản nêu trên.

Một ví dụ khác: Thông tư số 29/2014/TT-BTC ngày 26/2/2014 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 về xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì việc kiểm tra trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu sau khi Chi cục hải quan thông quan hàng hóa thực hiện quy định nghiệp vụ kiểm tra trị giá có

nghi vấn sẽ tiến hành tham vấn trị giá tính thuế. Trường hợp doanh nghiệp không thống nhất hoặc không bác bỏ xác định được trị giá tính thuế thì chuyển Chi cục KTSTQ tiến hành kiểm tra, xác định trị giá tính thuế theo quy trình KTSTQ. Tuy nhiên, hiện nay ở Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa thì Phòng Nghiệp vụ vẫn tiến hành kiểm tra tham vấn xác định trị giá tính thuế theo quy trình hướng dẫn của Thông tư 205/2010/TT-BTC dẫn đến những khó khăn trở ngại phát sinh nếu Chi cục KTSTQ tiến hành KTSTQ đối với các doanh nghiệp đã hoặc đang được Phòng Nghiệp vụ tiến hành tham vấn và kiểm tra trị giá tính thuế. Như vậy sẽ tạo nên sự trùng lặp trong khi thực hiện một công việc ở nhiều đơn vị khác nhau trong một Cục Hải quan. Thực tiễn này đặt ra nhu cầu phải sửa đổi. Xét trong mối quan hệ giữa hải quan và doanh nghiệp thì một sự việc của doanh nghiệp được cơ quan hải quan làm nhiều lần, ở nhiều giai đoạn khác nhau, do các đơn vị khác nhau thực hiện rõ ràng làm tăng chi phí về thời gian và vật chất cho doanh nghiệp. Đối chiếu với yêu cầu cải cách hành chính thì cần phải được sớm xem xét tránh trùng lặp nếu thực hiện theo Thông tư 205 nêu trên. Xét mối quan hệ nội bộ hải quan thì sự trùng lặp trên cho thấy quy trình nghiệp vụ chưa thực sự khoa học làm chông chéo chức năng, lãng phí nguồn lực, hiệu quả quản lý bị hạn chế. Vì vậy, kiến nghị cần sửa đổi và sớm ban hành quy trình theo Thông tư 29 để thống nhất các đầu mối làm việc trong xác định giá trị tính thuế.

3.3.2. Những kiến nghị cụ thể đối với Tổng cục Hải quan

Thứ nhất, cần sớm hoàn thiện quy trình và thông tư hướng dẫn về xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu.

Việc hoàn thiện này nhằm tránh sự chông chéo trong quản lý ở một đơn vị Cục Hải quan tỉnh đối với cùng sự việc kiểm tra thông quan và sau thông quan. Cụ thể: Thông tư hướng dẫn về trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã ban hành được gần 1 năm, tuy nhiên Tổng cục Hải quan vẫn chưa ban hành Quy trình nghiệp vụ để đảm bảo việc kiểm tra trị giá tính thuế đối với

hàng hóa xuất khẩu được thống nhất. Quy trình về kiểm tra, tham vấn xác định trị giá ban hành kèm theo Quyết định số 103/QĐ-TCHQ ngày 24/01/2011 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 205/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vẫn chưa được thay thế. Điều này dẫn đến sự chòng chéo trong việc xác định trị giá tính thuế ở cấp Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa là 02 đơn vị đang cùng thực hiện là Phòng Nghiệp vụ và Chi cục KTSTQ (như đã nêu ở phần trên). Vì vậy trong thời gian tới, cần ban hành văn bản sửa đổi Quy trình hướng dẫn cụ thể để tránh chòng chéo, gây tổn kém chi phí hành chính và thời gian của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

Thứ hai, cần hoàn thiện, sửa đổi quy định tại quy trình KTSTQ.

Thực hiện quy trình KTSTQ theo Quyết định số 3550/QĐ-TCHQ ngày 01/11/2013 thì quy định về khai bổ sung trong vòng 60 ngày: “Trường hợp doanh nghiệp không chứng minh được số thuế đã khai là đúng và đồng ý với các nội dung, kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan thì doanh nghiệp thực hiện khai bổ sung...”. Tuy nhiên thực tế doanh nghiệp không tự nguyện khai bổ sung mà Chi cục KTSTQ vẫn phải bố trí cán bộ theo dõi việc chấp hành khai báo bổ sung này. Nếu doanh nghiệp không thực hiện khai bổ sung thì Chi cục KTSTQ cũng không được ấn định lại số thuế phải nộp mà phải xem xét quyết định kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp, gây tổn kém nguồn nhân lực kiểm tra mà vẫn không đạt được kết quả vì doanh nghiệp sẽ không phối hợp và tạo điều kiện để kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp.

Thứ ba, tổ chức tuyên truyền cho các đối tượng liên quan về KTSTQ.

Trong thời gian tới, việc tuyên truyền của ngành Hải quan phải được thực hiện theo các hướng sau:

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo kiến thức liên quan đến Hải quan mở rộng chương trình đào tạo và cập nhật các kiến thức liên quan đến KTSTQ;

- Mở rộng và hoàn thiện hệ thống đại lý Hải quan - những người có năng lực và kiến thức để khai báo đúng quy định liên quan đến pháp luật Hải quan, và khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ khai thuê của các đại lý hải quan;

- Phối hợp với các cơ quan thông tin, tuyên truyền như báo đài, truyền hình, phát thanh phổ biến thông tin về KTSTQ;

- Phối hợp với Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội ngành nghề để chủ động tuyên truyền cho doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật nói chung và pháp luật về Hải quan nói riêng, tạo điều kiện giúp cho các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật.

Thứ tư, xây dựng bổ sung các nguồn thông tin phục vụ hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu.

Nguồn thông tin hiện có chủ yếu là nguồn dữ liệu được thu thập từ quá trình làm thủ tục hải quan trong khâu thông quan. Nguồn thông tin này đang được lưu trữ trong một hệ thống các chương trình và chưa được tích hợp cũng như chưa đáp ứng yêu cầu công tác. Do đó trước mắt cần hoàn thiện và củng cố thông tin theo hướng sau:

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đường truyền, máy chủ, máy trạm, nâng cấp các chương trình phần mềm nhằm bổ sung thêm một số chức năng cần thiết.

- Cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin cho những hệ thống dữ liệu. Đây là công việc hết sức quan trọng vì chỉ một vài thông tin không được cập nhật đầy đủ, chính xác thì toàn bộ các số liệu thống kê bị sai lệch ảnh hưởng đến kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực tế đối với việc lựa chọn doanh nghiệp KTSTQ. Để thực hiện tốt vấn đề này cần quy định thẩm quyền, trách nhiệm của từng khâu trong việc cập nhật và sử dụng thông tin.

- Tập trung nguồn lực và thông tin để hoàn thiện danh bạ doanh nghiệp với đầy đủ tiêu chí phục vụ QLRR, cập nhật thường xuyên, liên tục, kịp thời.

Việc này rất quan trọng vì không chỉ phục vụ cho hoạt động KTSTQ mà còn phục vụ cho toàn ngành Hải quan.

- Xây dựng Website riêng phục vụ cho hoạt động KTSTQ, trong đó có hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu. Đây là diễn đàn thông tin không chỉ phục vụ cho nội bộ ngành Hải quan trong việc cung cấp thông tin thường xuyên cho các cấp hải quan, trao đổi kinh nghiệm, đào tạo trực tuyến đồng thời còn là kênh phổ biến kiến thức và pháp luật KTSTQ cho các cơ quan, tổ chức cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp.

- Để đảm bảo hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu đạt hiệu quả cao nhất, kiến nghị Tổng cục Hải quan sớm tăng cường trang thiết bị, máy móc và phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và kinh phí nghiệp vụ cho lực lượng KTSTQ địa phương, trong đó có lực lượng KTSTQ của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa. Các trang thiết bị cần trang bị gấp bao gồm:

+ Phương tiện đi lại cho Chi cục KTSTQ Thanh Hóa cần 01 xe ô tô phục vụ hoạt động nghiệp vụ KTSTQ.

+ Cho phép lực lượng KTSTQ được áp dụng chế độ kinh phí mua tin như đối với các lực lượng điều tra chống buôn lậu.

+ Tăng cường thêm các trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho Chi cục KTSTQ như máy ghi hình, máy ghi âm, máy ảnh,...

- Tổng cục cần tiến hành đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ công chức làm công tác KTSTQ thường xuyên để có kế hoạch đào tạo, sắp xếp, bổ sung theo hướng chuyên sâu, theo từng lĩnh vực, bổ sung thêm nhân lực cho những mảng nghiệp vụ còn yếu như kế toán - kiểm toán, nghiệp vụ ngoại thương, phân tích và xử lý thông tin,...

- Cần có chế độ đãi ngộ phù hợp, khen thưởng biểu dương kịp thời, xứng đáng cho đơn vị, cá nhân công chức có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện KTSTQ.

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống đại lý hải quan. Mặt khác, cần hoàn thiện cơ chế đối với hoạt động của đại lý hải quan cùng với đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật Hải quan và pháp luật có liên quan cho tất cả các bên liên quan trong thực hiện các luật về hải quan và KTSTQ.

3.3.3. Những kiến nghị với Bộ Tài chính

Thứ nhất, để đảm bảo hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu có hiệu lực và hiệu quả. Bộ Tài chính cần phối kết hợp với các Bộ ngành liên quan như Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên môi trường trong việc công khai minh bạch quy trình quản lý, cấp phép tài nguyên khoáng sản để đảm bảo công chức KTSTQ các địa phương có điều kiện kiểm tra tiếp cận thông tin về hồ sơ cấp phép khai thác, chế biến khoáng sản nhằm mục đích ngăn ngừa tình trạng gian lận về hồ sơ giấy phép, nguồn gốc hàng hóa khi xuất khẩu.

Thứ hai, cần sửa đổi Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 liên quan đến hoạt động KTSTQ về thời gian KTSTQ: Cần bỏ quy định thời gian kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan là chỉ kiểm tra các hồ sơ đã thông quan là 60 ngày vì nếu quá 60 ngày KTSTQ phát hiện và có nghi vấn, với vụ việc đơn lẻ ở một vài tờ khai mà phải chuyển kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp thì vừa gây tốn kém về nhân lực, vật chất từ phía cơ quan hải quan và gây mất thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

Thứ ba, phối hợp với các cơ quan như Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các bộ, ngành có liên quan xây dựng và sửa đổi các quy chế phối hợp trong việc thi hành cưỡng chế các quyết định hành chính của cơ quan Hải quan để tránh các vụ việc phát sinh khi ấn định thuế doanh nghiệp cố tình không nộp, cố tình trốn tránh khi bị KTSTQ.

Thứ tư, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước có Thông tư hướng dẫn và quy định chặt chẽ hơn trách nhiệm và nghĩa vụ cung cấp các thông tin cần

thiết về hoạt động của doanh nghiệp qua ngân hàng thương mại cho cơ quan thuế và hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác KTSTQ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KTSTQ.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế đảm bảo bắt buộc các doanh nghiệp thực thi Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo thực hiện nghiêm chế độ hóa đơn chứng từ, hạch toán kế toán của doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ hải quan trong quá trình KTSTQ.

Thứ sáu, tập trung nguồn lực và nguồn tài chính trên cơ sở Dự án TABMIS để xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên thông giữa các cơ quan Tài chính, Kho bạc, Hải quan, Thuế. Đảm bảo thông tin phục vụ quản lý đầy đủ, tập trung, kịp thời, chính xác và phải kết nối liên thông được với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành khác. Tập trung xây dựng và triển khai được hệ thống một cửa quốc gia để kết nối hệ thống một cửa ASEAN về quản lý thuế vào năm 2015.

Thứ bảy, ban hành chế độ phụ cấp công việc cho cán bộ công chức làm công tác KTSTQ đủ mức động viên khích lệ công tác của CBCC làm việc trong lĩnh vực KTSTQ.

KẾT LUẬN

Hoạt động kiểm tra, giám sát của hải quan hiện đại luôn đòi hỏi CBCC ngành Hải quan tinh thông về nghiệp vụ, nắm vững quy định của pháp luật, đồng thời phải có kỹ năng nắm bắt tốt tình hình, thông hiểu hoạt động mua bán trên thị trường để có các quyết định đúng đắn trong quá trình thi hành công vụ. Đặc biệt CBCC làm nhiệm vụ KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu càng đòi hỏi phải thường xuyên liên tục học hỏi, trau dồi kiến thức, bổ sung kinh nghiệm, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong hoạt động XNK, thực hiện đúng việc nộp thuế XNK với Nhà nước. KTSTQ là hoạt động có tính chất đặc thù, có tầm quan trọng đặc biệt hiện nay nhưng lại rất phức tạp trong công tác kiểm tra, giám sát của hải quan ở bất cứ quốc gia nào. KTSTQ đối với hàng xuất khẩu lại có những đặc thù riêng và khó khăn riêng, nhất là đối với các nước có điều kiện kinh tế, trình độ phát triển thấp như Việt Nam. Việc nghiên cứu hoàn thiện KTSTQ của một cấp Cục như Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa có thể áp dụng cho các Cục và Chi cục khác có cùng mặt hàng xuất khẩu tương tự.

Đề tài đã nghiên cứu cơ sở pháp luật và quản lý của hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu, phân tích đánh giá tình hình của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa về hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn quản lý, kiến nghị đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới làm sao cho hoàn thiện hơn.

Việc thực hiện các giải pháp của Luận văn đã đưa ra yêu cầu phải tập trung vào các khâu trọng điểm là tổ chức và nâng cao năng lực cán bộ. Về nghiệp vụ, cùng với hoàn thiện quy trình, cần chú ý trọng điểm ở khâu xác định trị giá tính thuế và mã số hàng hóa. Các giải pháp đã nêu trong luận văn

nếu được áp dụng chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả hoạt động KTSTQ hàng xuất khẩu của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa.

Lĩnh vực KTSTQ đối với hàng hóa xuất khẩu là hoạt động QLNN nhưng liên quan rất nhiều đến các đơn vị hỗ trợ khác và sự hợp tác của chính những doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn quản lý. Do tầm hiểu biết và khả năng tổng hợp có sự hạn chế nhất định nên chắc chắn Luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Tác giả rất mong nhận được sự chỉ bảo ân cần của các Thầy giáo, Cô giáo và các đồng nghiệp để hoàn thiện Luận văn tốt hơn. Tác giả thành thực bày tỏ lòng biết ơn đối với thầy giáo hướng dẫn khoa học: PGS. TS Kim Văn Chính đã tận tâm chỉ bảo, giúp đỡ trong quá trình hoàn thành bản Luận văn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Cải cách GTGT Hải quan (2011), *Tài liệu kế hoạch cải cách, phát triển và GTGT ngành Hải quan giai đoạn 2011-2015*, Hà Nội.
2. Báo Hải quan (2006), *Hiện đại hoá hoạt động hải quan: Cuộc cách mạng từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”*, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2006), *Quyết định số 34/2006/QĐ-BTC* ngày 6/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập Chi cục Kiểm tra sau thông quan trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 79/2009/TT-BTC* ngày 20/4/2009, *Hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư số 194/2010/TT-BTC* ngày 6/12/2010, *Hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu*, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư số 205/2010/TT-BTC* ngày 15/12/2010, *Hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP* ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Hà Nội.
7. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư số 128/2013/TT-BTC* ngày 10/9/2010, *Quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát Hải quan; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.

8. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 29/2014/TT-BTC ngày 26/02/2014, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
9. Chi cục KTSTQ - Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa (2006 - 2014), *Báo cáo tổng kết hàng năm*, Thanh Hóa.
10. Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa (2010 - 2014), *Báo cáo tổng kết công tác hàng năm*, Thanh Hóa.
11. Cục Kiểm tra sau thông quan (2006 - 2014), *Tài liệu Hội nghị tập huấn công tác Kiểm tra sau thông quan hàng năm*, Hà Nội.
12. Cục Kiểm tra sau thông quan (2011), *Tài liệu hội nghị triển khai Chỉ thị của Tổng cục trưởng về tăng cường công tác KTSTQ*, Hà Nội.
13. Cục kiểm tra sau thông quan (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011 và 01 năm thực hiện Chỉ thị 568/CT-TCHQ ngày 09/02/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan*, Hà Nội.
14. Hoàng Việt Cường (2006), *Hoàn thiện hoạt động kiểm tra sau thông quan ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sỹ Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Hoàng Việt Cường (2007), *Nâng cao hiệu quả nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động thanh toán quốc tế qua ngân hàng*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Tổng cục Hải quan, Hà Nội.
16. Quốc hội Khoá 10 (2001), *Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001*, Hà Nội.
17. Quốc hội Khoá 11 (2005), *Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005*, Hà Nội.
18. Quốc hội Khoá 11 (2005), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại Tố cáo số 58/2005/QH11 ngày 29/11/2005*, Hà Nội.

19. Quốc hội Khoá 11 (2006), *Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11* ngày 29/11/2006, Hà Nội.
20. Quốc hội Khoá 13 (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13* ngày 23/06/2014, Hà Nội.
21. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg* ngày 15/1/2010 *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính*, Hà Nội.
22. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 448/QĐ-TTg* ngày 25/3/2011 *Về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020*, Hà Nội.
23. Tổ chức Thương mại thế giới (1995), *Văn kiện chống gian lận Thương mại số 39.300* ngày 24/2/1995.
24. Tổng cục Hải quan (2003), *Nghiệp vụ Kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội.
25. Tổng cục Hải quan (2006), *Quyết định số 1092/QĐ-TCHQ* ngày 26/6/2006 *về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Chi cục kiểm tra sau thông quan trực thuộc Cục Hải quan tỉnh*, Hà Nội.
26. Tổng cục Hải quan (2009), *Quyết định số 1383/QĐ-TCHQ* ngày 14/7/2009 *về việc Ban hành Quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, kiểm tra thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
27. Tổng cục Hải quan (2010), *Quyết định Số 1166/QĐ-TCHQ* ngày 9/6/2010 *về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục kiểm tra sau thông quan trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố*, Hà Nội.
28. Tổng cục Hải quan (2010), *Quyết định Số 3550/QĐ-TCHQ* ngày 01/11/2013 *về việc ban hành Quy trình nghiệp vụ Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
29. Hoàng Tùng (2010), “Bàn về quy trình kiểm tra sau thông quan trong hoạt động quản lý hàng hoá XNK của Hải quan Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, 6 (41), tr.200-206.

Tài liệu tiếng Anh

30. ASEAN PCA Manual (2004), *Final draft*.
31. Maki Kitaura - Osaka Customs (2005), *Outline of valuation and PCA in Japan, Osaka*.
32. U.S. Customs and Border Protection Office of Strategic Trade Regulatory Audit Division, October 2003.
33. WCO Commercial fraud enforcement techniques (2002), *Risk management, Profiling and selectivity; Commercial fraud; Investigative Procedures, Post clearance Audit*.
34. World Customs Organization, risk Management Guide.

Website

35. <http://www.customs.gov.vn/default.aspx>
36. www.thanhhoacustoms.gov.vn
37. <http://unctad.org/en/Pages/Statistics.aspx>